

Quyển thứ nhất

Mỗi cuốn 0\$50

I

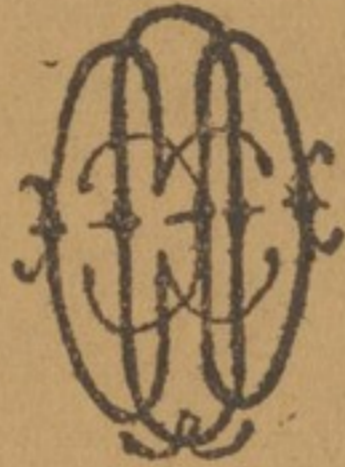
S.
INDO-CHINOIS

1136

Đạo Mạch Tri Nguyên

PHU THÊ YẾU LUẬN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 12.000



Cốt-chỉ quyển sách này để trực
luận về Đại-Đạo Tam-Kỳ.

Tác giả giữ Bản-quyền

Saigon - Février 1929

HUỆ-CHU'ÔNG

gò Indoch
1136

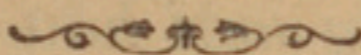


IN TẠI NHÀ IN XU'A-NAY

60-64, Boulevard Bonnard, 60-64

SAIGON

LỜI TỰA



Tuy bề học thức của tôi vẫn còn hẹp-hòi, song hằng để tâm xem-xét trong đều hư-thiệt của đời, hằng thấy bậc Văn-chương, thường muốn kích-bát một việc chi trong xã-hội, lại chẳng hề để lòng tìm biết cho tột lý; nên hễ luận đến thì không rõ ngọn-nguồn. Thành ra, vì ghét-lẫn một vài người trong đấy mà làm cho chình lòng cả công-chúng; mà cũng làm hư danh của mình trong buổi kết-cuộc. Nếu việc của người thành-tựu sau xa, chừng ấy dầu có ăn-năn, cũng đã muộn; té ra cái tư-tưởng chẳng hay của mình luôn để cho đoàn hậu-tấn luận-biến đời đời kiếp kiếp.

Cũng như, xưa kia Đức-Chúa JÉSUS-CHRIST giảng-sanh khai THÁNH-GIÁO; cả dân-sự miền Áu, bởi chẳng hiểu là đều yếu trọng về sau, cho đến nỗi một vị trong 13 môn-đệ của ngài là JUDA, vì lòng tham-lam, đành bán ngài cho quân GIU-GIÊU đem ra hạ-sát. Khi hối-ngộ, biết rằng sự lỗi, JUDA tự xử lấy mình. Nhưng chưa đủ đền tội, nên buổi chung cuộc thiên-hạ rõ thấu rằng Đạo chơn-chánh rồi, thì trong lòng hằng ghi nhớ JUDA là kẻ bắt lương; cho đến ngày nay đã hai ngàn năm, mà danh xấu vẫn còn lưu-truyền, hễ nhắc đến tên thì người người phải nhăn mặt.

Lại buổi nọ, Đức KHÔNG-PHU-TỬ, là một vị xuất thánh miền Á-đông, truyền-bá NHO-GIÁO, nhưng ruổi gặp lối chưa phục đặng lòng của sanh-linh, làm cho ngài chịu nhiều nỗi khổ-tân; đến đâu cũng bị nhà Vua xô-đuổi; cả mấy nước Lô, Vệ, Trần tuyệt lương ngài. Rốt việc rồi dân-sanh thức giấc, biết đặng Tôn-chỉ Đạo của ngài là cao thượng thì ngài cũng được hoan-nghinh vậy. Bởi có mà ngày nay, hễ nhắc đến ngài, thì thoát nhớ lại mấy nước xưa không biết dụng hiền. Cái danh bất lực lại rơi truyền chẳng dứt,

Đó là hai sự-tích vẫn còn để treo gương cho các nhà Văn-sĩ đời nay, soi lấy mà tự xét phận mình.

Ấy là việc xưa, còn hiện nay, có mấy cuốn sách, tôi mới đọc rồi đây, thấy người đem một nền Đạo của nhà Nam, đã từ bốn ngàn năm nay mới hầu gặp đặng, mà luận việc tà chánh, nhưng không hiểu: sao là tà, sao là chánh; thì đều sơ-sốt ấy nói chẳng cùng.

Vì vậy mà tôi để hết lòng nghiên-cứu; may thấu đặng chút-ít căn-cội của Đại-Đạo-Tam-kỳ; nên đem nêu lên quyển sách này, hầu hiến cho chư quý-vị Độc-giã tường-lãm, rồi mặc-tình luận-biện; chớ tôi vốn là người chẳng cang-dự với Tôn-giáo nào, nhưng vẫn biết thấy đều chơn-chánh. Nếu có việc chi lầm-lạc; ấy là xuất ư tâm chí riêng của một ít người tham danh chác lợi đã gây ra; chớ Tôn-chỉ của Đạo nào cũng đều dạy những sự hiền-lành ngay thật cả.

Saigon, le 5 Septembre 1929

HUỆ-CHƯƠNG



In tại Nhà In XƯA-NAY Ng-háo-Vĩnh.

60/64, Boulevard Bonard — Saigon.

ĐẠO-MẠCH TRI NGUYÊN

Tôi, vẫn sanh trưởng nơi Tỉnh-thành Bểntre, biệt danh là Huệ-Chương, theo ông thân tôi, vốn người giúp việc hàng buôn, chuyên nghề rèn tập theo lối Văn-chương Âu từ ấu chí trưởng.

Cả bạn tác học một trường với tôi, thì tôi duy có gần gũi M. Đức, vốn con nhà Cao-Quỳnh, lại là người có tâm chí rất hợp với tôi.

Từ buổi ra trường đến nay, tuy mỗi đũa, vì ràng buộc theo phận-sự gia-dình riêng, song cũng hằng tới lui thăm viếng và lo-lắng cho nhau, chẳng khác tình ruột-thịt.

Một ngày kia, tôi vẫn nghe thiên-hạ kích-bát về ĐẠI-ĐẠO TAM-KỶ, lại có tên ông thân và chú ruột của ảnh, thì tôi lấy làm chung-hững. Tuy là tôi hay đến nhà chơi với ảnh, thường cũng hay thấy mấy ông lớn hiệp nhau bàn luận việc Đạo; nhưng vì tánh tôi còn ham chơi, nên không hề để ý đến. Nay nghe vậy, tôi lật-đật đến hỏi thăm ảnh cho rõ.

Vừa gặp nhau, tôi chưa dặng cặn hỏi, thì ảnh dả vờ vai tôi mà nói rằng: « Hơi nào mà anh nghe Thiên-hạ! Họ có hiểu cái nguồn-cội của Đại-Đạo là nơi nào mà ra đâu; bị họ luồn tởng mấy ông bày ra mà gạt chúng. Anh nghĩ coi, như có gạt-gẫm, thì năm ba chục người, cũng còn có thể nói đến chuyện làm-lạc, lẽ đâu trót triệu nhân-sanh như vậy, lại trong số triệu ấy cũng hiểm người phẩm-vị cao, trí thức nhiều, mà cũng mắc kế mấy ông nữa sao? »

Để tôi thuật sơ đầu đuôi gốc-ngọn lại cho anh nghe, rồi cứ suy-nghĩ riêng lấy mà kiểm hiều.

Anh em mình, vẫn ý kiến tương đồng, kết bạn với nhau trót mười năm, tình như máu-thịt, thường hay bàn-luận:

khi thì về học thức, mà cũng có lối nói đến tình đời, cho đến việc nhà của nhau cũng đều thấu hết.

Anh dư biết tánh tình của tôi; tuy hay vui chơi theo cuộc hí-trường, song cũng hằng để ý kiếm cho hiểu biết luân-thường Đạo-lý. Tôi dòm quanh theo cô bác lối xóm-giềng, hằng thấy mỗi nhà đều chuang-dọn bàn-thờ. Việc đẹp chẳng là tùy gia vô-hữu, nhưng cũng có lập ra luôn, hoặc thờ ông bà hay là cha mẹ. Về nhà thấy ông thân tôi chẳng hề để ý đến đó, tôi hỏi ông, ông trả lời rằng :

“Thầy, nay tuổi đã bốn mươi ngoài, cũng hằng tiêm-tỏi cho biết những điều ấy, nhưng chưa hề thấy việc nào là ắc. Nếu sự chi mà thầy chưa rõ thấu, thì thà là đừng làm, còn hay hơn là bắt-chước người mà không hiểu chi cả.

Thầy duy tưởng rằng có một Đấng Tạo-hóa Càn-khôn, nhưng chẳng hề thấy hình ảnh đấng, thì cung kính ngài mà thôi, còn những việc theo thế-tình, hoặc thờ cha kính mẹ, thì nơi lòng, dầu cho mất còn cũng vậy. Mỗi khi cúng cơm cho ông bà, là buộc ý thầy làm theo cổ-lệ, nếu không ngo, lại buồn lòng; còn bày-biện bàn thờ như người, thì thầy nghĩ ra một việc làm không ắc, thế cũng không tốn phí mà chi; miêng bốn phận người, làm sao cho khỏi trái lương tâm mình là hơn hết.”

Nghe ông thân tôi nói vậy, thì đã biết ông không tin-ngưỡng chi hết, nhưng ông cũng hằng giữ phận làm người, thì đã đành; tôi lại các-cớ hỏi chú ruột tôi ông Cao-quỳnh-Cư té ra hai ông như một. Thậm chí đến đời tôi tức mình, hỏi cô Bác những nhà có thờ phượng, thì không một ai trả lời nào cho vừa lỗ tai tôi cả.

Một ngày kia, lối hạ tuần tháng Juillet 1925, nhằm đêm thứ sáu, tôi thấy nào là chú tư tôi, chú tám tôi là M. Phạm-công-Tắc, anh con nhà bác họ của tôi là M. Cao-hoài-Sang và vài người bạn nữa, đến mời ông thân tôi đi chơi. Tôi hỏi M. Sang, cho biết mấy ông đi đâu, thì anh lại nói với tôi rằng :

— Đi sai bàn.

— Sai bàn là chi ?

— Là cầu các Linh-hồn về nói chuyện chơi.

Nghe anh nói vậy, tôi lấy làm lạ, liền nom theo mấy ông, đặng coi làm thế nào. Đoạn mấy ông đều kêu xe-kéo vô nhà anh Cao-hoài-Sang; rồi vầy nhau ngồi xung quanh một cái bàn tròn ba chưng để nơi trước hàng-ba, lại có chưng bình bông tươi-tốt, và đốt nhan sắp-dặt trên một cái bàn nhỏ để dựa vách kế đó.

Tôi cũng ngồi kề bên ông thân tôi, chừng mấy ông biểu: « Lẳng-lặng định thần » thì mỗi người đều để hai tay úp lên mặt bàn, tôi cứ việc làm theo.

Giây lâu, tôi thấy bàn nghiêng qua bên chú tư tôi, chú lại rầy chú tám Tắc, mà biểu đừng xô, cứ ngồi cho tịnh. Bàn lại ngã qua phía ông thân tôi, ông lại rầy nữa. Cách một chập, coi bộ mấy ông mỗi tay, nên thấy đều tang ra nghĩ hết.

Tôi có ý coi trong mấy ông, chưa ai thạo việc ấy cả, vì thấy cãi-lầy nhau hoài; kể nói vầy người luận khác, phân phân bất nhứt.

Khi ấy anh Cao-hoài-Sang nói với mấy ông rằng: « Minh cứ tịnh tâm, ngồi yên-diềm, chừng nào có vong nhập, thì chắc là họ gõ chưng bàn nghe các-các chớ gì. » Nghe đến đó tôi có hơi dùng mình, vì tánh tôi nhác.

Đến khi vầy nhau lại nữa, chú tư tôi ngồi xếp bằng trên ghế, tỏ ý rằng sợ hồn ma vào gõ bàn mà đụng căng, nên cả thấy đều rút chơn lên; kể chồm-hồm, người xếp-bằng, té ra mấy ông cũng không dạn gì cho mấy.

Lúc ấy đã khuya, coi ông nào cũng mệt, phần thì muối chít chơn, hễ thò tay xuống gải, thì lại động, làm cho cái bàn không yên-tịnh, lớp lại buồn ngủ. Chú tư tôi suy-nghĩ rồi luận rằng: Thế khi tại chúng ta để trong nhà, nên các hồn ma không giám vào; vậy khiên bàn ra ngoài Trời trống trải, họa may họ mới nhập đặng. Đoạn mấy ông hè-huội,

áp nhau khiên ra sân. Ngồi một hồi lâu, bàn cũng cứ dờ lên để xuống, làm cho mấy ông rầy nhau, rồi cười hoài; gặp lúc khuya, trời tối, muỗi lại càng hơn nữa, mấy ông chịu đã hết nổi, mới đành dẹp nghỉ, nhưng hẹn tối mai sẽ hiệp nhau, làm cho hết ý. Ai nấy đều vui chịu, liền từ-giã nhau ra về.

Qua đêm mai, gặp nhằm thứ bảy, lối chín giờ, thấy đều tụ đến đủ mặt, cũng sửa-soạn như bữa trước, rồi vây nhau lại ngồi xung quanh, để tay úp lên mặt bàn; nhưng nay chú tư tôi lại dặn phải sè bàn tay ra, hai ngón tay cái của mỗi người đều đầu đầu lại, rồi ngón tay út kết ngón út của người khác, làm cho có thể các bàn tay liên nhau trọn cái vòng bàn. Mấy ông nghe theo. Tịnh một chập, bàn dờ lên cao, ngã vào góc tường, rồi cho chú tám tôi ngồi phía trong kẹt, làm cho chú tưởng rằng, anh Cao-hoài-Sang, đương ngồi ngan mặt, cố ý muốn cợt chơi, nên chú la um-sùm rằng:

“Sang! Sang! Đừng phá mậy, chơi giống gì kỳ quá, mắc kẹt tao sao mậy! Ráng ngồi tử-tế coi mà!”

Ai nấy thấy vậy đều cười rộ lên, mặt bàn nghiêng lại như củ, chú tư tôi liền năn-nỉ mấy ông, xin đừng giận, để ý ráng làm cho tận tâm coi thế nào cho biết. Khi nghe chú tư tôi nói dứt lời, thì thấy đều ngồi lẳng-lặng. Chú tư tôi thường hay có tánh giả ngộ, hề nghe bàn cụt-kịt, lại trợn mắt ngó mấy ông kia; tôi dòm thấy ai ai cũng sợ cả; lại áp nhau cười rộ lên nữa. Làm như vậy đã trót vài giờ, mà bàn cũng cứ dờ lên để xuống mãi mà hề thấy vậy thì mấy ông lại rầy nhau, tưởng rằng tại người xô mà thôi.

Chừng tịnh lần này, cả thấy ngồi yêm-điêm; thoạt nhiên bàn dờ lên gỏ lia gỏ lia. Mấy ông cũng cho là nội bọn phá, bèn hỏi thăm nhau. Ai nấy đều tỏ rằng để thật lòng mà thử cho hết sức, nên không xô đẩy chi; ấy là bàn điều-động tự-nhiên. Khi đó, người thì nói tê tay, kể lại nghe rần điễn. Trong cơn mấy ông hỏi nhau, bàn dứt gỏ, nhưng cũng còn linh-chinh, dường như có sự sống vậy. Chừng

nghe rằng có vong nhập, thấy đều kinh-tâm : mấy ông lui-đui không biết phương chi mà thông-đồng với vong đặng.

Chú tư tôi liền dặn mấy ông đề như cũ, đừng ai lấy tay ra khỏi bàn, mà làm xao-động, e vì vong xuất ngoại. Đức lời chú tư tôi lật-đật nói với vong rằng :

Xin khoan đi, đề cho hỏi ít lời. Bây giờ chưa kiếm đặng thể nào cho hiểu nhau, thì duy cứ gỏ hai nghĩa là : Ủ, chịu, có hoặc phải (Oui), còn gỏ một là : Không, hay là chẳng phải (Non).

Vong tiếp gỏ hai : Tỏ rằng chịu theo lời dặn.

Đoạn chú tư tôi liền ngụ ý, rồi nói với vong như vậy : Ta hiểu theo đây thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn. Nếu tôi hỏi chi, muốn trả lời lại, cứ tùy theo vần Alphabet quốc-ngữ mà gỏ, mỗi chữ mỗi gỏ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại,, nghĩa là lấy chữ chót ; rồi bắt đầu trở lại mà nối chữ khác, xong rồi sẽ ráp lại mà đọc, giống như điệu giấy thép vậy.

Vong liền gỏ hai (Ủ chịu).

Hiểu nhau rồi, bàn gỏ, chú tư tôi khởi đọc. Nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu sao cũng lộn-xộn năm bảy phen, đọc cho đến hết hai mươi mấy chữ vần mà cũng còn gỏ mãi. Tức mình, chú tư tôi các nghĩa lại một lần nữa. Thật lấy làm tội nghiệp cho vong quá, lại cũng thương cho mấy ông, vì muốn thấu đáo, nên ráng chịu khó cho đến cùng. May sao lối môn hơi rồi chú-tư tôi đọc từ a ă â b c d đ tới chữ L thì đức gỏ. Chú tư tôi dặn M. Cao-hoài-Sang nhớ chữ ấy, đủ rồi sẽ ráp lại. Đoạn bàn tiếp gỏ quận thứ nhì, Chú-Tư tôi đọc a ă â b c d đ cho đến chữ Ủ, bàn ngưng lại : rồi cũng cứ nối đi theo như trước cho đến khi ráp đặng ba chữ ; “ *Lượng-cao-Quỳnh* ”

Khi tiếp đặng mấy chữ ấy rồi, thì mấy ông hờn-hở vui cười. Đức tiếng, chú tư tôi suy nghĩ rồi nói rằng : Như phải là Cao-quỳnh-Lượng thì chắc biết mấy người ngồi đây ; vậy cứ nói tên mỗi người coi có trùng chẳng ?

Vừa dứt lời bàn gỏ, chừng ráp nguyên chữ thì thành ra tên: DIÊU, CƯ, TẮC, SANG, ĐỨC, THÂN, NGUYÊN, thấy đều rộ cười lên, còn cái bàn thì hồng lên một chung, lắc qua lắc lại, dường như cũng cười theo vậy.

Khi ấy ông thân tôi tiếp hỏi Lượng rằng:

“Con có ở hầu ông nội chăng?”

— Có.

— Mời ông nội đến đây tiện không?

— Đặng.

Dứt lời thì bàn đỡ lên rồi để xuống, không còn động tịnh như khi nãy nữa. Chú tám tôi nói rằng: “Bộ khi nó đi rồi”. Nghe vậy mấy ông đều dan ra nghĩ hết. Chừng ấy tôi có ý coi, thì thấy ông nào ông nấy cũng lấy làm lạ, mà nhứt là ông thân tôi với chú tư tôi, vì tự ấu chí trưởng, hai người không tin chi hết, cho kiếp chết là mất rồi, chẳng tin rằng có hồn. Nay lại thấy đều lạ kỳ như vậy, thì hai ông ngồi nhìn nhau, tình hình như trời đả hé cửa cho mấy ông dòm thấy đặng sự bí mật vậy.

Cách nửa giờ, vầy nhau ngồi, để tay lên, cũng tịnh như trước; kỳ này mấy ông có màu kiên dè, không dám cười giỡn nữa. Đoạn bàn gỏ. Chú tư tôi tiếp đặng chữ, ráp lại như vậy:

“ CAO-QUỲNH-TUÂN ”

Ấy là tên của ông nội tôi, cả thấy đều đứng dậy xá, rồi ngồi xuống. Ông thân tôi hỏi sơ ít đều đã qua rồi, kể chú tư tôi tiếp nói rằng: «Vi buổi thầy quá vắng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến đời anh của con đã trọng, còn không nhớ dạng hình ảnh của thầy, huống chi là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn, nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi; nếu có thể tiện, xin thầy dùng dịp này cho anh em con một bài thi tự thuật, hầu để roi truyền ngày sau, cho con cháu thờ làm kỷ niệm. Ông nội tôi chịu cho, liền tiếp đánh ra bài thơ như vậy:

*
**

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa nên ước đặng mười.
Tổng mển lời khuyên bền mộ chép,
Tình thương câu dặn gắn tâm đời.
Bên màng đòi lúc trêu hồn phách,
Cỏi thọ nhiều phen đặng thánh thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lụn-cụn,
Gặp nhau nhẩn-nhủ một đôi lời.*

Khi làm đến câu chuyện thì cả thấy đều nao lòng rung rung nước mắt; chừng qua câu kết thì ông thân tôi, chú tư tôi và chú tám Tắc vùng khóc lớn lên một lượt, còn mấy ông kia với anh Cao-hoài-Sang thấy vậy cũng mũi lòng khóc theo. Lúc đó đâu cũng hai giờ khuya. Lối xóm nghe khóc rùm lên, vài nhà lân cận đến dòm, thấy việc kỳ quái quá thì họ lại đứng coi một hồi, nhưng không hiểu chi, họ đều lui về nhà ngủ hết.

Dứt bài thi rồi thì ông nội tôi tiếp đánh mấy chữ: “*Thầy xin kiếu*” đoạn bàn dờ lên cao rồi dễ xuống nhẹ hều, không còn hơi động địa như khi trước nữa. Mấy ông nói: “đi rồi, đi rồi” Khi ấy mấy ông xúm nhau đem vô đèn, chép mỗi người một bài, coi đi đọc lại rồi trầm trồ khen mãi. Thấy vậy tôi cũng dễ chúc lòng tin, song chưa hiểu rõ cái huyền-bí ấy là thế nào. Còn ông thân tôi, chú tư tôi cùng mấy ông vầy nhau bàn-luận truy-kiếm cho biết vì đâu mà hóa ra chuyện lạ ấy, tôi có ý coi ông nào cũng ngơ-ngơ ngáo-ngáo chớ tiêm không ra mối.

Ai nấy đều lui về nghỉ, duy có ông thân tôi chẳng chịu về nhà, ông theo chú tư tôi mà thức luôn trót đêm, cứ đọc đi đọc lại bài thi ấy hoài, rồi bàn bàn luận luận suốt luôn cả ngày chưa nhứt nữa, ngồi đâu cũng nói có bao nhiêu đó mà thôi, thậm chí cho đến buổi cơm mà ông cũng ở luôn mà dùng với chú tư tôi. Hai ông ngồi phân phân với nhau cho đến mệt lủi rồi nằm dài trên ván mà cũng còn nói, nói riết cho đến khi ngủ mòm hồi nào tôi không hay,

chừng ngó lại thấy đồng hồ đã gần bốn giờ xế-chiều, tôi mới về nhà mà nghĩ.

Lật-bật kể bảy giờ tối, ông thân tôi về kêu tôi dậy, hối dọn cơm ăn đặng hiệp nhau đi vô anh Cao-hoài-Sang nữa. Lần hồi kể trước người sau, lối chín giờ rưỡi thấy đều đủ mặt; rồi thì cũng vầy nhau lại xung quanh cái bàn, đốt nhan lên. Đêm nay coi mòi mấy ông sữa-soạn đoạn trang hơn bữa trước lắm.

Tôi cũng bước lại ngồi kề bên ông thân tôi. Cách chẳng bao lâu bàn dờ lên đánh chữ, ráp vắn lại như vầy: “*Thát vì tình*” nghe đến đó thấy đều rớn ốc, chú tư tôi bèn hỏi vong ấy tên chi? Đàn ông hay đàn bà? Trả lời rằng: “*Đoàn-ngọc-Quế, con gái*”.

Tên họ đều trùng mà chữ lót cũng giống tên họ của một người bạn thiết với ông thân tôi, dương ngồi kề chú tám Tác đó. Mấy ông đều ngó M. Quế cười rộ lên. Đoạn chú tư tôi nói với vong ấy, xin một bài thi tự thuật.

Vong chịu, liền khởi đánh ra như vầy:

**

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uổng sắc tài.
Những ngỡ trao duyên vào ngọc-các,
Nào dè phũn nợ xuống tuyền-đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trước mai.
Đồn dập tương tư hoảng một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.*

Ký tên: ĐOÀN-NGỌC-QUẾ.

Xong bài thi rồi thì mấy ông trầm-trồ, người cho rằng câu vắn thanh-tao, kể nói trạng-luận đối rất chỉnh, nhưng vì nghi cho nàng ấy dối tên, nên chú tư tôi đề lời mời nàng năng đến chuyện vắn chơi cho thường hầu hỏi cho biết rõ căn cội, nàng khứng chịu; từ ấy mỗi đêm đều qui tụ nơi nhà anh Cao-hoài-Sang. Trót tuần lễ, khi thì ông thân

của anh Cao-hoài-Sang về, lúc thì chú ách Đồng là anh ruột của chú tám tôi về mà chuyện vắn. Mấy ông hỏi nhiều việc đả qua rồi, các vong cũng đều trả lời trúng hết; nhưng tôi coi ý mấy ông chưa có lòng tin cho lắm, cả thầy đều cho là một việc chơi cho tiêu khiển, nên mỗi đêm mấy ông đều có tụ nhau, vui chơi bao nhiêu đó mà thôi. Lâu ngày, vì thức quá mà môn lần hồi, còn có sáu người là; ông thân tôi, chú tư Cư, chú tám Tắc, anh Cao-hoài-Sang, Nguyễn-tải-Thân và tôi mà thôi.

Một buổi tối thứ bảy kia, nhằm lối thượng tuần tháng Aoút 1925, ba ông hiệp nhau chơi, còn ông thân tôi, vì mắc việc nên vắng mặt, còn tôi với em tôi thì cứ theo chú tư tôi. Bữa ấy có cô Đoàn-ngọc-Quế về bàn, đàm luận một hồi, rồi ba ông lại xin kết anh em với cô. Cô bằng lòng, bèn kính:

Chú tư tôi là Trưỡng-ca,
Chú tám Tắc, Nhị-ca,
Anh Cao-hoài-Sang, Tam-ca,
Phần cô thì Tứ-muội,

Còn hai anh em tôi, cô kêu bằng em cả. Đoạn cùng nhau trò chuyện, lần hồi chú tư tôi, vì nghi cô trá tên, nên năn nỉ hỏi cô cho đến cùng. Cô liệu khó giấu, nên tỏ thiệt là:

V. T. L.

Chú tôi hỏi thăm mồ mả, cô cũng chỉ rõ. Rạng ngày ba ông dẫn nhau đi tiềm đặng, nhà mồ của cô rất nên đẹp để nơi Phú-thọ, rõ-ràng có tên tuổi cô đề trên mộ-bia. Khi kiểm được rồi mấy ông mừng rỡ chẳng xiết, bèn đứng trước mộ, khấn vái với cô, xin theo về nhà ông thân tôi nói chuyện chơi, có ý thử coi ban ngày chư vong có thể nhập bàn đặng chăng?

Khi ba vị về đến nhà lối 9 giờ ban mai, thuật chuyện tiềm đặng mả của cô lại cho ông thân tôi hay, đoạn đem bàn ra mà cầu cô. Thật quả có cô đến đàm luận, rồi nhìn cái

mộ của ba ông đã đến viếng là nơi xát của cô an nghỉ đời đời kiếp kiếp.

Kể từ mấy ông hiểu đặng chút ít trong việc mầu nhiệm của Trời-Đất, lại có thể cầu chư vong trong buổi bạch nhật, thì mấy ông càng hứng chí hơn nữa. Ngày đêm không kể đến sự mệt nhọc, ông thân tôi thì hiệp với anh Cao-hoài-Sang nơi nhà tôi mà chuyện vãn với chư vong, còn chú tám với chú tư tôi thì vầy nhau nơi nhà chú tôi cũng trong một con đường Bourdais, hai cái nhà ở ngan, trịch nhau chừng vài căn phố.

Từ ấy mấy ông dả chia nhau hai bên, hằng ngày hằng đêm kiểm tiếm về việc huyền-bí mà học hỏi với nhiều vị khuất mặt. Cách ít lâu có hai vị tiên-trưởng đến làm thi-văn, bên chú tư tôi thì ông Thanh-Sơn, còn bên ông thân tôi lại có ông Nhân-Âm-Đạo, cả hai nhà đều đặng mỗi bên mười bài thi (*Thập-thũ-liên-huòn*) khác nhau.

Một đêm kia nhằm lúc bốn ông hiệp lại, lập bàn hương-án, khẩn cầu đức Tả-Quân. Người dả có lòng thành, nên ngài cũng giáng vào đề một bài thi, nhưng lâu ngày tôi đã quên phứt.

Lại có đêm nọ, mấy ông vầy lại, vừa ngồi vào bàn, thì có cô V. T. L đến giáng, cô lại trình diện một người chị em theo với cô, xin vào ra mắt mấy ông, cô nói rằng vị này làm thơ hay lắm. Mấy ông mừng rỡ, bèn mời giáng vào.

Đoạn người ấy tiếp vô xưng rằng :

— Em là Hồn-Liên-Bạch, xin hiến một bài thi ra mắt mấy anh, song em xin mấy anh chớ nệ chi về văn-chương hay dở.

Anh Cao-hoài-Sang liền tiếp rằng :

— Tôi vừa nghe cô Vương nói rằng thi-văn của cô rất hay ; vậy tôi xin ra đề. (ý M. Cao-hoài-Sang chưa tin cho mấy, e vì mấy ông kia bịa-đặt mà giả-mạo gạt ảnh.)

Cô liền khứng chịu, anh Cao-hoài-Sang ngồi suy nghĩ rồi ra đề : Tiên biệt tình lang.

Cô tiếp đỡ bàn gỏ, không ngừng chúc náo cả. Mấy ông ráp lại bài thi như vậy :

*
**

*Chia gương căn-dẫn buổi trường-đình,
Vàng đá trăm năm tác tấm tình,
Bước rẽ người trông cơn ác xế,
Lời trao buồn nhớ lối trắng thanh,
Ngày chờ mây án ngàn dâu khuất,
Đêm bậc đèn khuya một bóng nhìn.
Lần lựa cô phòng xuân thỏn-mỏn,
Xa xui ai thấu nỗi đình-ninh.*

Dứt bài thi, mấy ông rộ lên khen cô rằng : Văn thiệt là oán-thế.

Lại xin cô tiếp một bài nữa lấy đề : « Hoài-Lang » mà làm. Cô chẳng suy-nghĩ chi, cứ đề một bài rằng :

*
**

*Động-đình nhớ buổi lạt chia đường,
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương,
Trời thăm mây giăng muôn cụm ủ,
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
Cờ thần chạnh lúc vầy đôi bạn,
Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.
Mượn vận lương-nhân xin nhẫn-nhũ,
Vườn xưa tiếng nhận luôn kêu sương.*

Thật là tuyệt bút. Mấy ông khen ngợi chẳng cùng, nhờ nơi đây mà phục dặng lòng tin-ngưỡng của mấy ông chút ít nữa.

Khi khác mấy ông lại kiếm nhớ những bạn tác nào, lúc còn sanh-liên biết làm thi mà mời về, dặng thữ nữa. Đoạn nhớ đến M. Huỳnh-thiên-Kiều, là người buổi sống giúp việc tuần-thành, bỏ vào dinh Đốc-ly Saigon, coi về sở Patentes, người ấy còn ai ở Saigon mà chẳng biết, khi ở thế có nhập vào Hội Thi-Xả. Mấy ông bèn vái tên họ của M. Huỳnh-thiên-Kiều. Trong giây lát, nhập vào bàn đề thi rằng :

*
**

Nhấn-nhủ mấy ánh một ít lời,
Làng mây hồn trẻ đã xa chơi.
Mẹ già nỗi hiếu chưa rồi đạo,
Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót-xáy,
Buồn trông cảnh cũ dạ bời-bời.
Ai về gởi lạy tình sông núi,
Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.

Ký tên: Huỳnh-thiên-Kiều tự QUI-CAO.

Ngày kể đó, cũng vì M. Nguyễn-trung-Hậu, nguyên là một người bạn trong Thi-Xả-hội với M. Huỳnh-thiên-Kiều, vì thấy bài thi bữa trước, cũng có ý không tin, nên ngày sau M. Hậu làm một bài đem đến, khi đem bài thi đến, vái rồi đốt, đoạn mấy ông vầy nhau lại ngồi, cầu. M. Huỳnh-thiên-Kiều. Trong giây lát M. Huỳnh-thiên-Kiều vào tiếp họa bài, thi như vầy :

*
**

Một tiếng u minh gióng cửa không,
Phồn hoa đục tỉnh giấc đương nồng.
Ngồi thuyền Bắc-nhả qua tình biển,
Mượn nước lành-dương rưới lửa lòng.
Cuộc thế lạnh-lùng lảng gió lọt,
Đường đời ngàn-ngâm buội trần lông,
Kiếp tu xưa tiết chưa nên đạo.
Oan trái phải rồi phép phạt thông.

Ký tên: QUI-CAO.

Gặp lối mấy ông đương mê Thi-văn, lại có người tuyệt bút đến giảng vào đề một bài.

VINH XUÂN:

Ngàn liễu khoe xuân cảnh rỡ màu,
Xuân nồng vườn ngự vẻ thanh tao,
Chào xuân ác lỗ trăm lảng rạng,
Gheo liễu trắng soi một sắc lâu.

*Thơ-thời cảnh hôm hoa đọng ngọc,
Yêm-điêm dạo tối cỏ đeo châu.
Đuộm bầu nhân sự xuân qua lại,
Khuất bóng xuân sang khách luồn sâu.*

HỚN-LIÊN-BẠCH kính hiến.

Hằng đêm hằng có chư vị đến, mấy ông thử cũng hết sách, mà cũng nhờ vậy mới phục đặng lòng của mỗi người; như có một buổi, anh Cao-hoài-Sang buồn, đề một bài thi Tự-thuật, có ý than thân trách phận, sao lẩn-lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn-mỏi. Anh đem ra nhà cho ông thâu tôi coi, và cũng muốn đề cho mấy ông họa lại chơi cho vui. Nói chuyện với nhau rồi lần-quần cũng cầu chư vị nữa. Vào ngồi trong năm phúc đồng-hồ thì có ông thân của anh là bác Cao-hoảng-Ân giảng đến; thuở bác còn sanh tiền làm việc Toà-Án, lại cũng có đời đi cùng miệt Tây-ninh, Bạc-liêu và nhiều chỗ khác nữa; rồi sau lại về ở Saigon rồi mới quá-vản; tôi tưởng nhiều người biết bác lắm. Khi ấy Chú-tư tôi thưa với bác rằng: Sẵn diệp anh về đây, nhằm lúc Sang làm một bài thi tự-thán, cậy mấy anh em tôi họa, vậy anh họa chơi luôn thể. Ông thân tôi lại nói: Anh cứ việc đề thi dạy nó thế nào thì anh định lấy, nhưng tùy theo vận của Từ-thứ mà lâu nay Làng-thi chịu phục là: Voi, mò, còi, roi, thoi, mà làm. Dứt lời bác Cao-hoảng-Ân tiếp liền, chẳng đợi phúc nào cả, bài thi như vậy:

*
* *

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thời hầu nên đã thấy mò;
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rở,
Rừng tùng buổi trước một cây còi;
Hồng nương dậm gió chi sòn cánh,
Ngựa ruồi đường hoè há nhọc roi;
Ninh năm chờ qua cơn bỉ cực,
Thinh lòng chừng có lượng đôi thoi.*

Vừa tiếp bài thi ấy, mấy ông trăm-trờ chưa dứt lời đã gặp vị Đại-Tiên này giảng đề một bài:

*
* *

Chiều tập hồn thi bước Đạo điều,
Non xưa chớp cánh nhận trông theo.
Trời thanh khách gấn lần qua suối,
Đêm rạng trăng soi lược khỏi đèo.
Mây khóa đánh Tần màu gió cuốn,
Thuyền khơi sông Bích cánh buồm treo.
Gian-san một giải nền chung dựng,
Biển cả chi nao ít mái chèo.

NHÀN-ÂM-ĐẠO

Gách ít lâu có Cô Hôn-liên-Bạch dẫn đến một vị xin vào ra mắt mấy ông. Gặp nhằm tiết thu, nên mấy ông cậy cô đề một bài :

BI THU.

Yêm-liêm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ-mệt vườn đào điểm sắc thu.
Gió dậy xao Trời mây cuốn ngọc,
Sương lồng ước đất liễu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương dậm vẻ lâu.
Non nước điều-hiếu xuân vẫn chứa,
Nhìn hoa cảnh úa dục cơn sầu.

LỤC-NƯƠNG kính hiến.

Dức bài Cô lại tiếp một bài điệu Động-dinh như vậy :

*
* *

Đầm ảm cảnh Trời mai ác lối,
Thơ thời đưa thuyền khổ khách chèo,
Nhấp-nhỏ lượng sóng khóa lèo.
Luồng đông gió tạc cánh bè ngưng sông.

*
* *

Một chiếc quạnh bóng hồng nhán ngọn,
Mây doanh non tuyết đóng nhánh thung,
Về Nam đồ cánh rìng lòng,
Ngúc xem tựa án cây đông khóa rèm.

*
* *

Đường xúm-xít chị em ruỗi bước,
Dắc-diều nhau kẻ trước người sau;
Tiềm nơi hứng giọt mưa dàu,
Đề cơn khao-khát khoe màu phù-dung.

*
* *

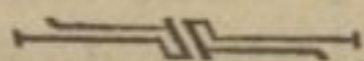
Đờn nhả khách năm cung nhạc trỗi,
Vệt mây đen gió thổi chiều hôm,
Quang-âm ngày tháng dập-dồn,
Ngừa khi trể bước hoàn-hôn trở đường.

*
* *

Đường muôn dặm, khách đơn thân,
Mượn bóng trăng lầu bước vẹn chân.
Khóa kinh song thu trau hạnh đức,
Chờ khi Đạo trọn đến non thần.

* *

Non thần tiếng hạt châu vang đánh,
Chờ rước người ngay chánh tiềm đường,
Mơ-màng chưa tỉnh huỳnh-lương,
Sóng xao biển khổ nên thương khách trần.



Nghe qua bài văn Động-dình này, mấy ông khen tặng chẳng cùng.

Xong mấy bài đó, mấy vị khác tiếp vào đề mấy bài nho như vậy:

*
* *

Mỹ-Ngọc ! Nghe lão :

Hoành thượng đơn khai chi bách thiên,
Hựu tu chưởng-hiệp khởi tranh liên,
Mật dài khánh nhật khinh hành định,
Cửu tái quang minh đắc cộng niên.

Mật sự khá kiếm hiệu,

LIÊN-HUÊ-TIÊN.

*
* *

*Diệu thành tâm khởi đức khai truyền,
Đạo thức thời âm lặn kỷ niên,
Thiên mạng lưu hành vô tỵ đoạt,
Tôn hồi cấm vị khái huyền nhiên.*

Tri thức.

THĂNG.

*
* *

*Phổ hóa hoai lâm hạ tác thành,
Hiển khai trực thượng độ nhơn sanh,
Bồ đoàn linh-diệu cơ huyền mạng,
Tác ái giệt tàng cấm đắc minh.*

Gần thiện niệm, rõ cơ Trời.

THĂNG.

Chư vị có ý muốn dạy mấy ông, nhưng không hiểu chi hết, mấy ông vầy nhau lại, bàn như thầy bói rồi dẹp lại đó, đợi!

Qua lối thượng tuần tháng tám, chú tư và chú tám tôi tiếp đặng mấy lời của cô Vương dạy về Diêu-trì-cung:

Trên có Cửu-Thiên nương-nương cai quản.

Dưới có chia vị tiên-cô.

Cô Vương đây đứng về Thất-Nương, cô Hớn-Liên-Bạch là Bắc-nương, còn bảy vị khác đều có nói tên cả.

Chú tư tôi nghe đặng lời ấy rất mừng lòng, bèn xin cô chiếu cố đến mấy ông, dạy cách nào cầu lĩnh Kim-Mầu đến đặng. Khi ấy Thất-Nương bèn biều mấy vị phải trai-giải ba ngày, và tiêm cho đặng Ngọc-Cơ, cầu lĩnh Bà mới đặng. Mấy ông không hiểu Ngọc-Cơ là chi. Chú tư tôi xin cô chỉ dạy; cô bèn vẽ hình Ngọc-Cơ rồi giải nghĩa, và dẫn rõ căn cội buổi xưa, lấy hình trạng của ngôi sao Bắc-Đầu mà tạo thành, lại dạy cách phò Ngọc-Cơ cho mấy ông, và biều mấy ông đặt mỗi người một bài thi dự bị. Đoạn chú tư, chú tám tôi và anh Cao-hoài-Sang vưng lời trai-giải ba ngày, và tiêm mượn đặng Ngọc-Cơ, y theo lời dạy.

Qua đến ngày thứ ba là buổi hẹn hò, lại nhắm liết trung-

thu, đúng đêm 14 rạng mặt rằm tháng tám, ngoài trời thì trắng thanh gió mát, trong nhà chú tư tôi lại dọn dẹp trang-hoàn, xem vào có vẻ tinh khiết lắm.

Đúng giờ tý, thấy đèn đủ mặt, tôi thấy chú tư tôi đã sắp đặt dọn bàn dài, rải bông lá xung quanh, phía trong bàn, ngay chính giữa để một bộ đồ trà, còn chín vị Tiên-cô, mỗi người một cái tách sắp vòng theo bàn, hàng giữa dọn những trái cây tươi tốt, ngó vào rất lịch, tựa hình như đãi tiệc, vì xung quanh có để chín cái ghế mây. Cuộc cúng này mấy ông gọi là: “*Phó yến Diêu-Tri,*” đến ngày nay hãy còn noi dấu lễ kỷ-niệm ấy.

Đoạn chú tư tôi đốt hương đèn lên, cả thấy đèn qui lạy khẩn vái, rồi đem Ngọc-Cơ ra mà cầu. Thật quả có lệnh Cửu-Thiên nương-nương đến và đủ chín vị Tiên-cô, mỗi vị đèn giáng cơ, chào mừng mấy ông; khi ấy Thất-Nương xin ba ông đờn rồi mỗi người ngâm bài thi của mình làm, dặng biển lễ, còn lệnh Bà và cữu Cô an vị mà nghe. Chừng nhập tiệc Thất-Nương lại mời ba ông ngồi chung vào cho vui. Cũng tội nghiệp cho mấy ông, vì e thất lễ nên không dám; rốt việc, ép uống quá, mấy ông liệu thế khó chối từ, mới đem ghế thêm, sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Tôi dòm thấy mấy ông, cũng bắt tức cười, nhưng không dám nhit mép, cứ đứng khoanh tay hầu mà thôi.

Cách chừng nửa giờ, chú tư tôi lại tái cầu. Lệnh Nương-nương và chín vị Tiên-Cô, để lời cảm tạ chẳng cùng, lại hứa rằng: “*Từ đây đã có Ngọc-Cơ rồi, thì tiện cho Diêu-Tri-Cung cứu cô đến mà dạy việc*”; đêm ấy mấy ông thức cho đến 3 giờ khuya mới nghỉ.

Kể từ ngày ấy, bên kia thì chú tư tôi hiệp với chú tám tôi thường hay cầu Ngọc-Cơ mà học hỏi. Còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-hoài-Sang thì vẫn còn sai bần. Cả hai bên hằng đêm đều có chư Tiên đến dạy, văn-chương, thi phú, nhiều điệu như là Động-Đình, Liên-Phong, tôi chưa từng thấy, mà nhứt là chú tư tôi có tánh lục lạo,

hỏi đon nhiều điển-tích cao xa và nhiều đều hóa-học bí mật, theo ý tôi tưởng, nếu không phải là bậc Tiên-Thánh, thì dầu bậc cao học nào trong thế-gian này, cũng chưa hề thấu đạt.

Lần hồi, khi chú tư tôi khỏe thì phò Ngọc-Cơ, lúc mệt lại sai bàn. Một đêm kia thoát có một vị Đại-Tiên đến, không xưng tên chi, cứ lấy ba chữ đầu “A ă â” làm hiệu, điều dẫn, ban đầu thì dạy thi-phú, điển-tích, rồi lần qua việc Đạo, ấy là bên chú tôi; còn bên này, ông thân tôi với anh Cao-hoài-Sang một ngày nọ lại tiếp một vị Tiên-Cô nơi Diêu-trì-Cung, giảng vào bàn xưng là “Thanh-Tâm-Tài-Nữ” cho một bài văn điệu “Liên-Phong” như vậy:

*
**

*Mượn nguồn đạo-đức khỏa màu trần,
Luyện thể ngày qua khó kiếp xuân.
Bến khô trương bươm thuyền đợi khách,
Non tiên trở cánh hạt chờ xuân.*

*
**

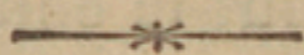
*Xuân mờ mệt bao nhiêu cảnh ỹ,
Cụm rừng tòng lá xũ tranh sâu.
Biết bao mấy nổi tang dâu,
Bóng trắng kia đã đứng đầu tuổi xanh.*

*
**

*Xanh vàng ngọn cỏ trải mỡ oan,
Oan trái trả vay khách nhộn nhàn.
Nhàn cảnh mấy ai tiềm đến chốn,
Chốn bi ai lốn nhọc nhằn than.*

*
**

*Than rằng : cõi phù-sanh nháy mắt,
Trăm năm đâu biết chắc rũi may.
Đua tranh sánh của so tài,
Của tài phải sạch đường dài thoát qua.
Gắn lo xa*



Tôi thấy mấy ông như vậy, tôi bắc chước, một bữa chúa nhựt kia, ông thân tôi đi khỏi, tôi với em tôi là Nguyễn-tải-Thân, khiên bàn ra, lối chín giờ ban mai, hai đứa ngồi, cùng úp bốn bàn tay lên, tịnh trí, giây lâu có em tôi nhập về bàn xưng là : “ *Cao-quỳnh-Lượng* . ”

Anh em mừng rỡ nhau, nói nói cười cười, tôi ngụ ý muốn thử coi chơn-giả thế nào, tuy tôi đã theo mấy ông lâu rồi, nhưng đức tinh chưa trọn; bèn nói với em tôi rằng : “ Thầy và chú tư mình, khi ông nội sanh ra, đều có đặt hiệu Mỹ-Mọc, Bội-Ngọc là vì nội biết chữ nho, tới phiên thầy sanh mình ra, phần thì thầy học tinh những chữ tây không, làm cho cả hai đứa không có hiệu chi hết (dốt quá). Em có thể nào, kiếm cho qua một danh hiệu chẳng ? ”

Em tôi liền dõ bàn gỏ, tôi tiếp sắp ra hai chữ : “ *Nguồn-Ngọc* ” tôi lại cậy em tôi cắt nghĩa cho tôi rõ, thoản như có người hỏi đến mà nói cho thông (cũng sợ người chê dốt nữa !). Em tôi liền giải rằng :

“ *Đời nhà Nguồn có báu vô giá trị.* ”

“ *Điền-tự : Vua Nguồn khải ca nhiều trận, chừ Hầu khiếp vía, Bắc-vương kiên oai, cống sứ cho Trung-Quốc một hột Ngọc-điệp trong đời ít có, khi đem phơi Ngọc ấy ngoài nắng, tặc nhiên chiếu nhiều màu, thiên ám địa hôn ; người khát nước, ngậm vào miệng, dường như ngậm búng nước lã, mà hết khác, còn nhiều đều quý nữa, song kể không hết. Bởi có đó, nên có câu : Nguồn-Chiêu để hữu bửu ngọc, nay trích trong câu văn ấy mà lấy ra hiệu Nguồn-Ngọc.* ”

Đặng cái hiệu và lời giải ấy, khi ông thân tôi về, tôi thuật lại cho ông nghe. Ông cắt nghĩa rành lại tôi mới biểu rõ rằng cả dòng họ Cao-quỳnh danh hiệu đều là bộ ngọc, chừng ấy tôi mới có chút đức tinh, là vì nơi đó ; lại cũng vì những thi phú lối sau nữa.

Tôi còn nhớ một ít bài theo điệu văn Liêng-phong, ông thân tôi với anh Cao-hoài-Sang tiếp của chừ Tiên như vậy :

*
**

Rảnh nợ thế rùng thung vui thú,
Chiều hửng nghe vượn hú chim chiền,
Một ngày thong thả là Tiên,
Suối trong rửa sạch náo phiền trần gian.

*
**

Vòng cương tỏa buộc ràng danh lợi,
Chốn hi-trường lui tới lãng-xăng,
Phép quan luật nước thúc dãn,
Đỉnh chung rớt cuộc mơ-màng chiêm bao.

*
**

Đâu là thấp đâu cao phẩm thế,
Nhục vinh kia ai dễ trọn đời,
Cỏi trần kiếp sống mấy hơi,
Phủ tay phứt đả châu rơi ngọc trầm.
Hỡi ai là khách tri âm!

H. M.



*
**

Liệu mà day trở bước thang xuân,
Một dặm đường qua Đạo một gần,
Sóng dậy tang thương hồng chích cánh,
Trời điều thương phạt họa đồng cân.

*
**

Cân thiêng-liêng chắt đồng tội phước,
Gặp thời tua vẹn được trọng nhân,
Diệp may dễ có mấy lần,
Dò đường đến chốn non Thần mới hay.

*
**

Hay biết đời sao, Đạo lại sao?
Hay gần cửa thánh bước lần vào,
Hay tiềm nẻo chánh, tà xa lánh,
Hay lập thanh-cao, chí mới cao.

✱✱

Cao khôn vói, thấp nào để bước,
Khó mà lần đến được mới mầu,
Chỉ mảnh rối khá lo âu,
Liệu chơn thoát khỏi vực sâu sau này.

T. T. T. N. HIẾN.

✱✱

Nhàn du bạch dạ tuyến phong đình,
Âm tằng giệt kỳ chiếu đầu tinh,
Chơn tịch quyền khai thiên vị dắc,
Nhơn bang hữu cộng liệt trâm đình.

✱✱

Rèm gió đêm tràng bóng rạng thình,
Nghieu-ngao non Túy thú riêng mình,
Thu về hứng cảnh đôi bầu cúc,
Hạ đến vui sen mấy tiệc quỳnh.
Nhàn đạo vắn-vơ theo Nhật Nguyệt,
Rảnh ngồi chăm-rải tụng Huỳnh-đình,
Tranh đua đủ sạch lẳng phi-thị,
Gặp buổi giang-hồ vớt chúng-sanh.

N. A. D.

Một bài Văn của Quan-thánh-đế-quân cho một người Đạo-hữu vì biết ít tiếng Annam nên xin ngài cho chữ Langsa :

✱✱

*L'homme a ses maux, le roseau a ses plaintes.
De ta destinée a pris soin le Créateur,
En te préservant de la vie toutes contraintes,
En semant à tes pas, espoir et non malheur.
A l'horizon lointain, déjà l'astre du jour,
Commence à décliner, ne perds pas de temps,
Pour que ce séjour si heureux soit de retour,
Aie purgatoire accompli, esprit sans tourment.*

*Frôlant souventes fois les sombres nuages,
A perdre ton éclat, ton étoile est prête,
Mais une main divine à ton avantage,
D'un geste enchanteur dissipe la tempête.
Pour des entreprises lointaines, tu n'es pas fait,
Reste à ton sillon, ton compte est arrêté.
Le bonheur bien conçu n'est-il pas le plus vrai ?
Réserve ces faveurs à ta postérité.
Profile de ton présent, fais ta vie à venir,
Répare tes erreurs passées, sois bon père.
Marche vers le chemin de Dieu sans ralentir,
La vie a des ailes, elle n'est qu'éphémère.*

Tâche de me comprendre.

THĂNG

Thuật đến đây M. Đức nói rằng: Còn nhiều lắm nhưng tôi không nhớ hết.

Còn bên chú tư tôi, khi vì Đại-Tiên hiệu A ă a giảng mà dạy Hạo một ít lâu, bữa nọ, ngài nói với mấy ông rằng: Nếu muốn cho ngài đề tận-tâm truyền Đạo-lý, thì thầy đều phải kính ngài làm “THẦY” mới tiện bề đối-đãi nhau.

Chú tư tôi nghe vậy, thì lại càng mừng lắm, liền vưng chịu mà thọ giáo với ngài; nên từ đây ngài có giảng cơ thì cứ xưng là Thầy, rồi chào lại “Các con” mà thôi.

Đêm kia, nhằm 24 Décembre 1925, mấy ông cũng hiệp nhau lại, cầu ngài mà học Đạo: nhưng ngài không đến. Một chập lâu. Thất-nương giảng vào nói rằng: “Rất mừng vui” mấy ông không hiểu chi cả, bèn tiếp hỏi Cô: Mừng việc chi?

Cô trả lời rằng: Đêm nay là đêm kỷ-niệm của THẦY giảng sanh trong hai ngàn năm trước mà khai Thánh-Giáo nơi miền Thái-Tây, nên giờ này, Thầy đương hội chư Phật, Tiên, Thánh, Thần dự lễ, mà không đến đặng cùng mấy anh. Vậy mấy anh nên cầu nguyện cho cả bá-tánh trong

đêm lành này, rồi nghỉ, bữa khác Thầy sẽ đến dạy việc cần yếu.

Nghe Thất-nương nói đến đó, thì hồn vía của mấy ông đã bay bổng lên mây cả, nửa mừng nửa sợ. Mừng là mừng vì đặng Chúa-Thánh dạy khuyên, còn sợ là sợ nỗi bấy lâu, vì không biết ngài mà e lúc trước có nhiều khi thất lễ. Xong việc mấy ông tang ra, bàn-bàn tính-tính cho đến canh khuya mới lui nhau về nghỉ.

Qua đêm sau, mấy ông hiệp lại, lập hương-án (bữa nay áp qui lạy thầy thầy) cầu ngài đến. Ngài giáng vào cơ mà chỉ-dẫn, lại có cho bốn câu thi như vầy :

*Chín Trời mười Phật cũng là ta,
Truyền Đạo chia ra nhánh nhóc ba ;
Hiệp một chữ quyền tay nắm giữ,
Thánh, Tiên, Phật Đạo vốn như nhà.*

Nghe đến đó mấy ông mới biết đấng ấy là “*Huyền-khung Cao-thượng-Đế*”, đã tá phạm nhiều khi rồi mà điều đạo nơi Á-Đông lại giáng-sanh khai Thánh-Giáo miềng Thái-Tây nữa. Nay vì đả rớt cuộc tuần-hườn trong cõi Dinh-hoàng, thì giờ đả cùng-tận lối Hạ-ngươn này, nên ngài đến hoẵng khai Đại-Đạo, chuyển các Tôn-Giáo lại mà điều-dẫn lần chót, ấy cũng bởi thấy cả sanh linh đã luống theo thế-tình mà quên phức nguồn-cội.

Trước mặt ba vị : CAO QUỲNH-CU,
PHẠM-CÔNG-TẮC,
CAO-HOÀI-SANG,

Ngài hỏi rằng : Thầy muốn dùng các con mà khai Đạo, các con có dám lãnh trọng nhậm ấy chẳng ?

Mấy ông bạch rằng : Trong các con, từ bé chí trưởng, chẳng thông Đạo-Lý chi, duy nhờ Đức Cbí-Tôn dạy bảo bấy lâu, thì sự biết chưa đặng trong phần muôn, e cho chẳng xứng đáng mà lãnh trách-nhậm lớn-lao ấy.

Ngài nói rằng : Chi chi, có thầy gần bên các con, miêng là các con khứng chịu, và gần để trọn tất lòng thì chẳng hề chi. Mấy ông vưng chịu, và xin ngài chỉ bảo cách thức, đặng thờ ngài. Ngài lại dạy mấy ông phải đến ông Phủ Chiêu, là người có thờ ngài đã lâu rồi ; lại dặn mấy ông, chừng nào đi phải đem Ngọc-Cơ, đặng ngài giảng mà độ dẫn ông Phủ Chiêu và chỉ dạy thêm trong cách thờ-phượng. Mấy vị vưng mạng tiêng ông Phủ Chiêu, rồi Đức Chí-Tôn dùng cơ bút ấy mà phục đặng ông, nhưng nghe rằng, cách ít tháng sau, ông không hiệp với mấy ông kia, nên ra lập Đạo khác.

Lúc-thức đã gần cúi năm, Đức Chí-tôn lại dạy ba vị phải ăn chay trước ba ngày, đặng chí đêm 30 tháng chạp năm nọ là Ất-Sửu, đợi đúng tý là đầu ngày của rằm Bính-Dần, mỗi người thắp ba cây nhang, ra qui nơi ngoài Trời, thành tâm khẩn-vái với ngài, và thề rằng : « Nếu chẳng tận-tâm lo vung-dấp nền Đạo thì ngủ lơ tru-giệt ». Mấy ông đều vưng chịu, rồi cả thấy đều thi hành theo lời dạy.

Khi mấy ông khẩn-vái xong rồi thì vào nhà phò loan cầu Ngài, hầu coi Ngài có đều chi dạy bảo chẳng.

Đức Chí-Tôn giảng dạy rằng :

Thầy cho các con hiểu rằng : Buổi tạo Thiên lập Địa thầy sanh loài người ra nhằm ngày dần “ NHÂN SANH U DẦN ” ; vậy từ đây thầy dùng các con làm tay-chơn mà gây dựng nền Chánh-Giáo, lại cũng kể ngày nay là ngày phát khởi nguồn Đại-Đạo.

Nên Đại-Đạo-Tam-Kỳ khai nhằm giờ tý, ngày mồng một năm Bính-Dần là do nơi đó.

Vài ngày sau, Đức Chí-Tôn mới sai chú tư và chú tám tôi vô Chợ Lớn, cũng dạy đem Ngọc-Cơ theo, rồi Ngài giảng mà độ-dẫn M. Lê-văn-Trung, là Cựu-Hội-Đồng Thượng-nghị-viện, rồi lần lần điều tới mấy vị khác nữa.

Cách ít lâu, tôi thấy chú tư, chú tám tôi nhờ cơ bút mà biết nhiều việc cao-xa, lại vưng mạng lệnh gây ra mối Đại-Đạo-Tam-Kỳ, còn ông thân tôi và anh Cao-hoài-Sang cũng

tiếp theo nghề Đồng-Tử mà điều-dẫn chúng-sanh trót triệu người, nhập môn cầu Đạo. Đức Chí-Tôn lại định cho chú tư tôi, phải xin thôi làm việc, còn chú tám tôi, thì xin nghỉ đỡ ít lâu, cả hai người về trí nơi hương Đông miệt Tâyninh, mà lo vung đắp nền Thánh-Giáo, còn phần ông thân tôi và anh Cao-hoài-Sang thì về miềng tây. Lại có một cặp loan khác nữa là M. Nguyễn-trung-Hậu và M. Trương-hữu-Đức lo việc phổ độ miệt trung-ương.

M. Đức thuật đến đây thì tôi liền tiếp hỏi ảnh rằng :

— Nếu vậy thì Đại-Đạo-Tam-kỳ khai ra, là nhờ nơi cơ bút, chớ không phải bắt chước ai, theo như lời truyền ngôn của những người công-kích Đạo đó sao ?

— Không phải đâu ! Nguồn cội của Đại-Đạo do nơi cơ bút của mấy ông mà ra ; thậm chí cho đến kiểu vở áo mào, thước tất và màu áo của các Chức-sắc mặc, nào là khăn mấy lớp, áo mấy giải, thì cũng tùy cơ bút mà thôi, chớ nào ai hiểu biết dặng. Nhưng người muốn kích-bát, trước khi luận việc chi, họ chẳng chịu để tai mắt, xa nghe cận thấy, lại cũng vì lòng ố-đạo, nên hễ họ vừa lóng lời sao khẩu, thì vội bình phẩm liêm. Sơ tâm cho đến thế mà họ vẫn cứ tưởng mình là cao kiến hơn cả triệu sanh-chúng, vậy sao gọi bực lắm thực tình đời.

Như lúc sau, có mấy vị trong bác Tiên đến điều-dắc mấy ông, có để những lời vàng ngọc này, anh nghe thử coi thế nào, rồi sẽ luận sự chơn giả :

*
* * *

Đại-hỉ chư Đạo-hữu.

*Trời đất riêng tay giữ một bầu.
Ngàn mây dậm gió gót chơn trâu ;
Rừng lòng ! hong-thả nhàn ra dạo,
Đền ngọc thung-dung rảnh đến châu ;
Thoát tục sớm điều nên bầy bạn,
Dẫn phàm nay rảo khắp năm châu.*

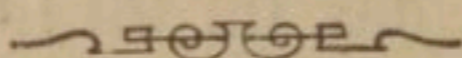
Thế trần mừng gặp Tam-kỳ độ.

Biển khổ thuyền đưa khách lánh sầu.

Lý-ngưng-Dương.

Chư Đạo-hữu may mắn thay, gặp đường Chánh-giáo, chớ dần-dà, trễ công thiếu quả mà chẳng đến thang Thiêng-liêng kiếp thì, hồi vị. Lão mộng ngày Đạo khái hoàn, chư Đạo-hữu nên gắng sức. Đường cũng chẳng bao xa, miếng hiệp đồng nhứt tâm vì sanh-chúng, sau còn ngày gặp-gỡ.

THĂNG.



*
* *

*Rảo khắp non sông dặm trải qua,
Bi gương nhứt nguyệt tác không già;
Biển trần nay gặp kỳ điều chúng,
Muôn dặm đèn soi đã có ta*

Hơn-chung-Ly.

Chư Đạo-hữu, Đức Chí-tôn điều bước, cả Tiên Phật dần dàng; há chẳng sớm lánh phồn-hoa, dặng dôi-dàu gương độ chúng. Huống chi chư Đạo-hữu đã có quả nơi mình, lại chẳng vì mạng linh Đức Từ-bi, mà chịu ít lâu khổ-hạnh, hầu mộng buổi đoạt phẩm-vị thiêng-liêng sao!

Ước mộng ngày hội-ngộ, trông mộng buổi tác-thù, rượu thánh ra non dòm thế, cờ thần dựa đánh luận đời. May thay! vui thay! Chư Đạo-hữu nên gắng sức.

THĂNG.

*
* *

*Riêng vui nguyệt chiếu sắc trong ao,
Đèn ngọc từng khi để bước vào;
Rãnh hững trăm hoa khoe Đảnh-ngự,
Nhàn vầy mấy bạn dự Bàn-Đào;
Độ đời rảo gót non sông lược,
Cứu thế điều nhân đạo đức trau;
Chờ buổi tuần-huòn Thiên địa trở,
Nương gươm Thần-huệ một vừng cao.*

LỮ-ĐỘNG-TÂN

Hỉ chư Đạo-hữu.

Đạo gặp kỳ phỗ-độ, khá biết cải thế-thì. Đạo khả trọng, đức năng trao.

Đời đời đôi, Đạo chờ người; khách tục nương thuyên độ, non Tiên tiếng khánh đưa, gấn nhọc thế lọc-lừa, tiềm đường ngay thẳng-rắn. Nguồn rửa bợn nhiều đường cay đắng, bước nâu-sông dậm lăm gay-go; liệu sao khỏi trề con dò, mới thoát vòng khỗ-hải. Gấn sức vì sanh-mạng, lao tâm chớ sợ bởi căng-xưa; đường quanh co, bước khá ngửa; nẻo hiểm trở, chơn nên lánh.

Hậu tái-ngộ,

THĂNG

* * *

*Từng vào non Thánh lại đèn vàng,
Mảng quả sớm nhờ sắc ngọc bang;
Lầu hạt tu tâm thình nét Đạo,
Biển trần độ chúng vững con thoàn;
Cuộc cờ chung hứng nơi rừng thắm,
Bầu rượu riêng vui dưới cội tàng.
Gặp lúc điều đời qua bến tục.
Đề công phải nhọc đến phàm gian.*

LAM-THỀ-HÒA.

Hỉ chư Đạo-hữu. Đạo gặp lối quanh-co, khá biết ngửa vực thẳm. Gấn sức cho tròn trách-nhậm lớn-lao của đảng Chí-Tôn phú-thất.

Chư Đạo-hữu khá biết.

THĂNG

* * *

*Trương kỳ bạch động mộ liên gia,
Quã diệu thâu trì tác trí kha;
Lão dục độ sanh tiên tự khởi,
Hiển trần tu thức trực ninh tà.*

Ách nước nạn dân, số Trời đọa thế. Vòng vay trả, mối buộc ràng; nếu có tai mắt rộng xa, tự hỏi vì đâu nông-nỗi: Đạo Trời gỡ nạn, chuông Thánh truy hồn, bến khỗ vớt

khách chiêm, non thần chờ kẻ lạt; mà cũng còn khur-khur
nằm chặc miếng đĩnh-chung, cấp-cúm giữ đầy lẳng nhơ-bợn.
Đạo đời đều chẳng trọn, phương chi tiềm chốn thoát lao
lung. Nghánh lại cuộc giã của trò đời, mà thương đau cho
trẻ dại. Lăn-lăn lựa-lựa, ngần-ngần ngo-ngơ, đũa trí gạt
phường ngu, lủ khôn ăn đám dại. Cười.....

THĂNG

Ấy là những lời khuyên Đạo của sáu vị Đại-Tiên, làm
cho mấy ông thêm lòng tin ngưỡng, nên để hết sức chung
lo, gánh vát nền Đạo. Lần hồi gây dựng đặng vĩa-vàng,
phục tâm đặng nhiều trang có trí thức rồi, thì chia nhau,
kẻ giúp việc trong, người lo bề ngoài, mà làm cho đồ sộ thêm
nữa.

Lạt bạt đã vài năm, tôi mảng lo làm việc sớm đi tối
về, thường thấy ông thân và bà thân tôi đi phồ-độ hoài, e
khi già yếu mỗi mệt, nên tôi mới khuyên lớn ông ở nhà
nghỉ, hầu dưỡng tinh thần. Ông lại rầy và cắt nghĩa cho
tôi rõ chút ít về việc Đạo, rồi nói với tôi rằng: “ Cốt chỉ họ
Cao-quỳnh ta đây, tuy là lăn-lộn nhiều ít nơi thế mặc dầu,
chớ vẫn là người phải hiến thân cho Đại-Đạo, dầu cho con,
ngày sau cũng vậy, con không thấy chú tư con sao? Nay
đã giải đường hoạn lộ, đem mảnh hình hài, vung đập nền
Đạo, đã lập thành một Toà-Thánh-Tồ, nào là trầy gốc ven
đường, cắt nhà ngan giải dọc, nơi một miếng rừng 150
mẫu, trước kia cây cối phủ che, mà nay đã khai phá gần
thành khoảnh. Lập nên công lớn với Đạo mà cũng có ích
cho đời nữa. Bây giờ phận thầy vì mắc ràng buộc thế sự,
nên công quả chưa đặng toại lòng, thế thì thầy có khứng
nằm ngồi nơi nhà ăn no ngủ kỹ, mà ngắm thế sự cho đành
đâu. Khi nào con xin nghỉ làm việc ít ngày, thầy sẽ dắt
con đến đó, coi cho thấy những công việc đồ sộ của chú tư
con làm, rồi con mới biết cho thầy, công linh như vậy là
có chi đâu. ”

Nghe ông thân tôi tỏ mấy điều và cắt nghĩa linh-hình đời
cho tôi hiểu, làm cho tôi hết dám ngần ngại ông nữa. Từ

đó đến nay tôi dòm coi ý ông đả chán-ngán tình đời, ông với bà đều ăn trường chay, còn việc nhà lại ít hay quảng tới.

Đó là đều tôi thuật sơ cho nghe mà thôi, còn việc cao xa về Thánh-giáo, tôi không nhớ mà nói cho hết.

Nghe dứt câu chuyện của ảnh, dường như tôi thức tỉnh chiêm bao, mới biết là việc của Trời-Đất làm ra, chớ sức người đâu có dựng. Rất dỗi là các Thánh xưa khai đạo, tôi hằng coi sách, có lẽ nào thành hành như buổi này đâu. Tuy nghe ảnh nói vậy, song còn muốn biết rõ nguồn cội thêm, tôi cậy ảnh, nếu chừng nào ông thân ảnh đi, thì điều-dẫn tôi theo coi thử.

Cách ít lâu, gặp lễ nghỉ dặng ba ngày, ảnh cho tôi hay, rồi đề-huề ra đi. Khi đến Toà-Thánh, M. Đức dắt tôi vào lạy nơi đại điện, đoạn ảnh chỉ mấy cốt thờ nơi Bắc-quái-đài mà cắt nghĩa cho tôi nghe: Phía trên có dựng một trái càn-khôn có Thiên-nhân và vẽ đầy những tinh-tú: Ấy là thờ đấng Tạo-hóa, chủ quyền chấp chưởng cả càn-khôn thế-giải, vì Ngài là vô-vị, không có hình ảnh, nên không lên cốt, duy có Thiên-nhân, tựa ra mà chỉ rằng ngài soi khắp mọi nơi, dầu cho đôi vầng nhật nguyệt và các vì tinh-tú cho đến các Phật-Tiên-Thánh-Thần cũng trong tay ngài mà thôi. Tôi thấy trong lòng trái càn-khôn có thấp một ngọn đèn, tôi liền hỏi ảnh. Ảnh cắt nghĩa rằng: “Ấy là ánh sáng của Đạo dương khai, cũng nên gọi là hồn của cả sanh-linh nơi trái cầu sáu mươi tám này, đứng trong hàng thất-thập nhị địa.”

Kể đó ảnh chỉ các cốt như là:

Đức Thích-Ca khai đạo Phật,
Đức Lão-Tử khai đạo Tiên,
Đức chúa Jésus-Christ khai đạo Thánh,
Đức Khương-thái-Công khai đạo Thần,
Đức Khổng-phu-Tử khai đạo Nho,

Lại chỉ cốt Đức Phật Quang-Âm Bồ-Tác, Đức Lý-thái-Bạch và Quan-Thánh Đế-quân, mà nói rằng: Ấy là ba vị Phật Tiên Thánh thay mặt cho Tam-Giáo, điều đạo kỳ hạ-ngươn này.

Ảnh lại chỉ phía dưới hết, có bảy cái ngai, là ngôi vị thiêng liêng của Đức Giáo-Tông, ba vị Chưởng-Pháp và ba vị Đầu-sur, thuộc về nhơn-đạo, nhưng sắp đó, chớ không ai ngồi.

M. Đức nói rằng: trong đền thờ, các dấng ấy, là người đã có công khai sáng đạo, từ buổi tạo thiên lập địa đến giờ, hiệp lại mới gọi là :

**Tam-Giáo là: Thích
Đạo
Nhơn**

Mà cũng gồm về :

**Ngũ-chi Đại-Đạo là: Phật đạo,
Tiên đạo,
Thánh đạo,
Thần đạo,
Nhơn đạo.**

Viếng nơi Bắc-Quái-Đài (Đại-diện) rồi ảnh dắt tôi trở ra khoản giữa rộng dài, mà cắt nghĩa với tôi rằng: Đây gọi là Cũu-trùng-Đài, nơi của ba ngàn một trăm mười hai Chức-sắc. Đẳng cấp như vậy :

1 vị **Giáo-Tông** (*Pape*)
3 “ **Đầu-sur** (*Cardinaux*)
36 “ **Phối-sur** (*Archevêques*) nhưng
có ba vị chánh đặng
thay mặt cho ba
Đầu-sur còn 32 vị
kia là phó.

72 “ **Giáo-sur** (*Evêques*)
3000 “ **Giáo-hữu** (*Prêtres*)

Cộng là 3112 vị.

Nên Đức Cao-Đài-Thượng-Đế gọi là :

Nhứt **Phật.**
Tam **Tiên,**
Tam-thập-lục **Thánh.**
Thất-thập-nhị **Hiền,**
Tam thiên **Đồ-Đệ.**

là vậy đó; cả bảy đều chia ra làm tam phái, mặc Thiên-phục ba sắc khác nhau:

Sắc vàng gọi là Thái-thanh về Phật-giáo,
 — xanh — Thượng-thanh — Tiên-giáo,
 — đỏ — Ngọc-thanh — Nho-giáo.

Duy có đức Giáo-Tông thì mặc áo trắng có thêu bác-quái và mào trắng gọi là "*Mitre pontificale*" mà thôi. Ấy là người làm đầu của 3111 vị kia; lại còn Lễ-sanh cũng đủ tam phái gọi là: Elèves-Prêtres, nhưng vô số (*Nombre illimité*) vì chưa vào hàng Chức-sắc.

Coi nơi đó rồi, ảnh dẫn tôi ra phía ngoài xa, thấy hai bên có lầu chuông và lầu trống, lại có thang leo lên, gặp một khoản rộng-rải ngay chính-giữa, ảnh nói rằng: Đây gọi là Hiệp-thiên-Đài. Chức-sắc nơi này, Đức Chí-Tôn sắp-dặt chưa hoàn-toàn vì Đạo mới khai, nên vào chưa đủ số; duy có 21 vị, đẳng-cấp như vậy:

Hộ-Pháp

Bảo Học-quân,	Bảo Văn-quân,	Thượng-phẩm			Bảo Thượng-Sanh,	Bảo Sanh-quân,	Bảo Cô-quân.
—	—	Bảo-đạo,	Bảo-pháp,	Bảo-thế,	—	—	
—	--	Hiển-đạo;	Hiển-pháp,	Hiển-thế,	—	--	
—	--	Khai-đạo,	Khai-pháp	Khai-thế,	—	—	
--	Tiếp-Lễ	Tiếp-đạo,	Tiếp-pháp,	Tiếp-thế	Tiếp-y	—	

Vị Hộ-pháp là người chưởng-quảng Hiệp-Thiên-đài, cũng như vị Giáo-Tông bên Cửu-trùng-Đài, cốt chỉ để gìn-giữ luật-lệ và các Bí-pháp của Đạo, lại phải bảo-hộ mấy chi dưới kia đặng làm cho tròn phận-sự.

Phía hữu:

Thượng-phẩm, là vị để bảo-hộ cho cả Đạo-hữu đả nhập-môn, từ chức sắc cho đến tin-đồ, về chi đạo;

Văn-pháp-quân, là vị để bảo-hộ Văn-chương và Kỹ-nghệ cho cả nền Đạo, về chi Văn-pháp (Arts & Belles-lettres).

Bảo-học-quân, là vị để bảo-hộ ty giáo-dục cho cả nền Đạo, về chi Giáo-huấn,

Phía tả :

Thượng-sanh, là vị đề bảo-hộ cho cả sanh-linh, dạy-dỗ đủ tư-cách dặng đem vào nền Đạo, nếu có điều chi trái luật Đạo, thì người lại phải xem-sóc, về chi thế.

Bảo-sanh-Quân, là vị đề bảo-hộ về khoa y-dược mà cứu chữa cả Đạo-hữu của nền Đạo, về chi Bảo-sanh.

Bảo-cô-Quân, là vị đề bảo-hộ cho những người cô-quả và trẻ côi-cúc trong nền Đạo, về chi Bảo-cô.

Ấy là sáu vị làm đầu trong mỗi chi, còn dưới nữa, duy mới có thập-nhị-thời-quân, chia ra làm ba, và vài vị đề giúp các vị chưởng-quảng trên kia, như là :

Bốn vị giúp sức cho	Hộ-Pháp,
Bốn vị	— Thượng-Phẩm,
Bốn vị	— Thượng-Sanh,
Một vị	— Văn-Pháp-Quân,
Một vị	— Bảo-Sanh-Quân,

sau sẽ còn nhiều nữa.

Mấy chức-sắc Hiệp-thiên-đài kể trên kia là những vị nắm mỗi-giềng cho nền Đạo ; cầm đuốc sáng mà điều đường, cho cả thấy, lại là người đề lập điều lệ theo phận sự của mình cho cả và sanh-chúng, nên gọi là "*Chơn Thần*" của Đạo. Mấy ông vẫn là người phò-loan (Mediums) tiếp ngay những lời Thánh-Giáo của Đức-chí-tôn và các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần trên Bắc-Quái-Đài, gọi là "*Hồn*" của Đạo, rồi giao lại cho Chức-Sắc Cửu-Trùng-Đài là những trang hành-chánh và phổ-độ, gọi là "*Xác*" của Đạo, tùy theo đó mà ban-hành ra cho cả Đạo-hữu.

Nếu có điều chi sai-sót không hợp với sanh-linh, thì Chức-sắc Cửu-trùng-Đài cũng có thể gởi trở lên Hiệp-thiên-Đài mà xin chấn-chỉnh lại, nhưng cũng phải tìm điều hữu lý mà biện-bát, mới sửa cải dặng.

Coi xong rồi, bước xuống thang, ảnh dắt tôi ra phía sau Phòng-Văn, trình-diện với mấy ông chức-sắc lớn, rồi dẫn coi nhiều chỗ khác. Mỗi mỗi đều có cất-nghia : Nào là cốt

Phật Thích-Ca cỡi ngựa, tựa hình lúc ông Cyaca-Mouni còn đương-kiêm Hoàng-Tử, từ Hoàng-Thành tầm Đạo; ấy là trạng-thái lúc khai nguyên Phật-giáo, lại có cốt ông Sa-Nạt dựng phía sau, nào là Phật Di-Lạc, còn hai bên đường, thì có rừng trầy sạch những tạp mộc, chừa lại nhiều cây cao lớn có tàn che mát mẽ tốt tươi, gọi là *Vườn Thiên-nhiên*. Anh dắt tôi lần lần ra nhà tịnh, rồi lại trở vòng qua các nhà khác nữa.

Tôi nhắm coi thật rộng minh-mông, ngó đả môn mắt, nghị cho M. Cao-quỳnh-Cur điều-đình mà khai phá miếng đất này, đả đề công trình rất dày mới dựng vậy.

Phu-thê yếu-luận

Tôi đi coi trót buổi mà chưa hết, song tôi thấy M. Đức có hơi mỏi mệt, nên tôi khuyên anh đi nghỉ, còn tôi thì lần hồi trở ra bầu Cà-Na, là chỗ sể tạo Động-đình-hồ mà coi nữa.

Đi vừa tới khóm rừng, chợt thấy một người đàn ông, một người đàn bà, cả hai trạc lối 26, 27 tuổi, ngồi đầu mặt với nhau mà nói chuyện, nhưng vì khuất mà hai người không thấy tôi.

Tôi liền đứng dừng lại, suy nghĩ rằng; nơi đây là chốn tu hành, sao lại có việc lén-lúc này. Cũng vì tánh hay tọc mạch nên tôi lóng tai nghe.

Người đàn ông nói: “ Qua nghe người ta đồn đả lâu rằng, bà già và em vô Đạo Cao-Đài, nhưng qua cũng có đến kiểm đôi ba lần, mà không gặp mặt. ”

Người đàn bà nói: « Phải, từ buổi anh sa mẹ theo đảng điếm, bỏ em lăn-lóc một mình ở nhà quanh hiêu trót năm trường, em cũng tưởng là: chồng không đoái đến thì cũng còn cha mẹ anh em, nên ở lại, ráng làm cho tròn phận dâu con, té ra em để ý dòm coi, chẳng có một người nào thương em cả; nên em lạy cha mẹ mà về hãm-húc với mẹ già; đâu cũng dựng vài tháng, ở ăn cũng yên. Một ngày kia, em đang xách nước, thìoh linh xây-xâm mây mặt, phát nóng lạnh vài ngày rồi mất trí luôn. Lúc ấy em chẳng còn biết chi

hết; sau khi mạnh, em nghe bà già thuật chuyện lại rằng: buổi nọ em điên cho đến đôi xé quần xé áo, song cũng may, sao em không nói chi bậy bạ, duy cứ lay hoai mà thôi, còn ăn uống thì nhiều hơn mọi khi, nhưng chẳng chịu hơi cá thịt, cứ ăn ròng những tương châu, rau muối cho đến ngày nay. Khi đó bà-già thấy em như vậy, thì đau lòng, rước nào là bóng-chàng, thầy pháp thầy phù gì thôi đã đủ. Kể nói đau ma, người rằng mắc quĩ, lập đàn chiên chữa rợn ràng trót mấy tháng, không nên chi cả, rốt cuộc tiền mất tật còn. Sau lại, nhờ có mấy ông trong Đại-Đạo, hết lòng cầu khẩn, lờp thì truyền diên, người thì vai bông và cho uống nước thánh, chưa đầy ba ngày mà bệnh căn đã lần lần thuyên giảm. Lúc ấy trong nhà thì nghèo, lại cũng có thiếu chút ít của người ta, vì lúc chạy thầy cho em, thiếu sức nên buộc bà già phải vay hỏi, song cũng nhờ mấy ông, kể nhiều người ít, góp nhóp đầu đặng vài chục đồng. Với tiền ấy, bà già đem trả cho người ta, còn dư bao nhiêu thì làm sở phí, chở em lên đến đây ở dưỡng bệnh. Mấy ông lại cho thuốc men uống, không ăn tiền bạc chi, trong mười ngày thì em bình phục lại như xưa. Từ ấy đến nay, mẹ con ở luôn nơi đây, lo công quả mà bồi đáp ân-huệ đã rưới ban của Trời-Phật.»

Chừng nói đến đó tôi mới biết là hai vợ chồng, vì việc gia-đình nên phải cách bức nhau, nay mới gặp mặt đặng. Tôi lại nghe người chồng tiếp rằng :

« Nay em đã mạnh rồi, còn ở chi nơi đây; vậy việc qua lờ chơi bởi, biết là sự quấy, qua đã ăn năn nên đến kiếm đem em về. Em bằng lòng chẳng?»

Vợ.— Ấy là một điều rất khó tính, vì em đã ngán-ngẫm tuồng đời; việc vợ chồng tuy anh đề ý phụ em, chở em vẫn giữ tròn bổn phận làm vợ. Từ ngày về với anh, đã biết rằng chẳng có cưới hỏi chi, song ở cùng nhau đã mấy năm dư, trên em giữ lòng kính thờ cha mẹ, dưới lo phục sự cho chồng. Anh cũng chán biết, phận em chịu nhiều nỗi đắng cay, nội nhà đều giữ đạo Thiên-Chúa, duy sót có một mình em là người ngoại. Em vẫn biết đạo nào cũng vậy, cứ dạy

việc hiền-lành đạo-đức, ngặt vì em còn cha mẹ già yếu, lại từng theo nho-giáo, nên em không nỡ bỏ mà theo đạo của anh. Bởi có ấy nên tuy là vợ chồng thương nhau, mà cha mẹ, anh chị lại chẳng khứng cho anh ở với em, hằng ngày xô đuổi, coi em như cỏ rác, thị như mên-mang mọi-rợ, đối đãi em chẳng khác chi với kẻ thù nghịch mà đày đọa em quá lẽ; nhưng đã lỡ việc vợ chồng, không lẽ một lần đập cút rồi phải chặt chơn, nên em ráng chịu đã mấy năm khốn khổ.

Anh còn nhớ lúc ông già em quá vãn, em lạy cha mẹ, xin về chịu tang, và đưa ông lên đàng. Cha mẹ nằng nằng quyết một không cho, lại nói rằng: em muốn về đặng lạy thầy ma thúì sao! Anh nghĩ coi, cha mẹ đã lắm chịu nhọc-nhắn sanh em ra, nâng-niu từ bé chí trưởng, biết bao nhiêu công cáng; theo phong hóa nhà Nam ta, đã mấy ngàn năm giữ gốc nho-gia, sự vong như sự tồn, dầu mất dầu còn, cũng kính thờ như một, huống chi Thánh Thần đâu chẳng biết, duy trước mắt em vẫn thấy; cha là trời, mẹ là biển. Nay cha em đã thất, dầu ơn sinh dưỡng, mà đối với một vài lạy đưa lên đàng, há tiếc hay sao?

Vì em thăm nghĩ như vậy, nên năn nỉ khẩn cầu hết lời, tuy là cha mẹ cho đi, nhưng trong ý không chút nào ưng chịu. Từ ngày em lo việc tống táng ông già em xong, trở về cho đến sau, thân em lại càng khốn cùng hơn nữa, song đã thương chồng, nên em đánh chữ làm thỉnh, mà gấn chịu đắng cay từ đấy.

Bởi các cơ ấy, dầu cho em còn xét chút nghĩa vợ chồng, cũng khó nổi về với anh cho tiện. Một là vì em đã khẩn vái với Trời-Phật mà nhập môn cầu đạo, nay chẳng lẽ em bán đồ nhi-phế, hai là nay bà già em, tuổi đã cao, mà lại góa bụa, không còn con cái chi khác hơn là em nữa, nên bần phận em là con, phải vì tình chắc-chiu khi bé thơ, mà ở vậy hủ-hĩ với mẹ già, hầu thủ hiếu cho đến ngày lâm chung của bà; đã vậy phần em lại ăn trường chay, cũng là một điều rất khó cho em về chung cùng với anh đặng.

Chồng — Em khéo nghe lời họ, chuyện gì thì chẳng nói làm chi, chớ việc ăn chay là điều thúc-xát, theo như đạo của

qua, ấy là trái hăng với trời đất, vì Tạo-hóa đã sanh vật ra mà dưỡng nhơn, lại chẳng chịu dùng, bo bo mà ăn những thảo mộc, là chất không bồi-dưỡng xác thịt của ta, thì phải mau chết, mà chết vậy lại có tội thảo-trúc không chịu ở thế-gian, càng phải sa vào Địa-ngục.

Vợ — Em là phận nữ-nhi, tuy có học nho chút ít, hồi thuở nhỏ, có biết chi cho lắm, nhưng nghe mấy ông lớn trong Đại-Đạo Tam-Kỳ, giải về việc ăn chay, tuy em không hiểu cho hết, chớ cũng còn nhớ chút ít, sơ lược như vậy: Các sanh-vật của Tạo-đoan đã biến hóa ra đều có sự hăng sống cũng như loài người, nhưng khác nhau là vì mình đứng về hàng thứ ba trong tam tài: Thiên-Địa-Nhơn. Người nhờ hưởng đặng khí huyết tinh tấn, trong sạch, nên trí não thông minh, biết nói biết luận và biết nhiều đều khôn ngoan hơn cầm thú; còn sanh-vật lại khác hơn ta là do chất, nên trí não chẳng có, ngu muội, dử dẩn, thô kịch, nếu ta đem máu huyết ô trược của nó mà chang vào với sự trong sạch của ta, thì chẳng khác chi lấy búng mà bỏ vào một ly nước trong, lần hồi, một khi, một ít, rốt lại thì nước ấy trở nên đục đen. Em chỉ sơ cho anh thấy những sanh vật có sự độc mà ta vẫn thấy rõ ràng, như con cá rô ăn vào thì ho và nhứt mồi, con cua-đinh làm cho nổi đờn-phung, và nhiều thú khác nữa, huốn chi heo bò, vẫn có chất khác với người, tuy cái độc của nó, không hại ta hiện thời, mà nó vẫn làm cho ta sanh ra đau đớn về sau xa nữa. Lại trong các thú rừng, có nhiều con dử dẩn, ăn vào lần lần thân-thể ta đều truyền nhiễm các chất trược của nó. Bởi có nên chất thú pha với chất người, mà làm cho người phải hóa ra hung tợn, mất cả chất thánh của tạo-hóa sanh, mới làm ra những điều tàn-bạo, ghét lẫn nhau, giành dục nhau, cho đến giết nhau, và làm những điều tội phong bại tục. Ấy mới trái hăng với Tạo-đoan là đấng háo-sanh, ưa sự sống mới biến hóa sanh-linh, nay vì người lầm lạc mà hại lẫn nhau, nên ngài mới khai Đại-Đạo đặng bảo tồn nhơn vật. Huốn chi, xưa buổi tạo thiên lập địa, mấy ngàn năm đầu, các Thánh-hiền trước nào có ăn sanh vật, nếu theo

như lời của anh rằng, ăn chay là ép xát mà chết mau, sao những người xưa, cứ dùng lê-hoác mà sống trên vài trăm tuổi, mà lại sách vở hãy còn ràng ràng rằng: Người bày biện ra mà dùng sanh vật, phát khởi sau vua Thần-Nông mà thôi.

Anh lại nói rằng: Thảo-mộc là vật-chất không nuôi nấng tinh-thần, thì cũng còn một điều rất lằm-lạc; là vì buổi xưa kia, các bậc Thánh-Hiền, để hết trí-não, tiếm-kiếm phương-châm đặng cứu bịnh cho sanh-linh, thì phần nhiều lại dùng cỏ cây mà làm thuốc; cho đến hiện thời các nhà Hiên-Triết về Y-khoa, toàn trong hoàn-cầu đều noi theo đó mà bào-chế ra những y-dược mà trị bịnh; thì tất nhiên thảo-mộc là vật rất quý báu, để bổ dưỡng và phục nguyên thân-thể loài người chớ!

Nếu có thể bớt ăn sanh-vật, là một phương tránh đặng sự bịnh hoạn xảy ra một ít, còn dùng toàn lê-hoác, lại chẳng khác nào ta ngăn-ngừa bịnh trước. Người đã không đau-ốm, vật lại khỏi bị sát-hại; ấy chẳng phải là điều hữu ích chung cho cả hai bên, hơn và vật sao!

Chồng — Ấy là điều họ nói ma-ma phật-phật, có chi gọi là hiên-nhiên, em khéo nghe lời họ mà chi, họ kiếm tích kia truyện nọ, rồi bày ra thờ-phượng bụt thần, cũng là một điều sai, theo đạo của qua thì duy có thờ một đấng Đức-chúa-Trời mà thôi!

Vợ. — Việc ấy em chẳng cãi, nhưng em thấy trong Đại-Đạo-Tam-Kỳ, trên thờ đức Cao-Đài là chúa cả cần-khôn, còn theo Thánh-Giáo thì gọi là Đức-Chúa-Trời, vẫn cũng là một đấng ấy, dưới thì thờ mấy đấng đả ra công khai các Tôn-giáo buổi xưa đều là: Phật, Tiên, Thánh, Thần. Trong ấy có đức Giáo-chủ Jésus Christ là chơn-linh của đấng Tạo-hóa, thay xát phạm điều đạo Thánh miềng Âu-Châu, và cũng có đức Khổng-phu-Tử là người đả khai Nho-Giáo (Nhơn-đạo), ngài cũng là một vị Giáo-chủ. Các đấng đả thờ nơi Bắc-quái-Đài đều có công lớn với đời, tên tuổi vẫn còn roi truyền nơi sử xanh bia tạc, trong hoàn cầu còn ai là chẳng biết nữa. Thấy điều lành cái dữ cho

sanh-linh, thì cái ân-huệ ấy chẳng đáng thờ-phượng và kính lạy sao? Huấn chi trong nền Đạo-thánh, em có thấy thờ đủ các thánh Âu-Châu, thì cũng chẳng phải là việc ác thờ có một đấng Đức-Chúa-Trời mà thôi đâu.

Chồng.— Còn việc lạy nữa, theo qua thì duy có lạy Đức-Chúa-Trời và người sống mà thôi, chẳng nên lạy bụt thần và những người chết.

Vợ.— Đều ấy anh luận rất sai lầm, anh có hiểu lạy là chi không, mà vội bàn như vậy. Để em nói lại một ít lời em còn nhớ mấy ông giải nghĩa, mà thuật lại cho anh nghe :

Lạy hay là chào, đều là sự kính nơi lòng, phô bày ra ngoài cho thấy cái hình trạng, nhưng tùy sự trọng khinh, cao-thấp thì cái lạy ấy, dầu với ai làm cũng dặng cả. Thí dụ như: Theo phong tục người Âu, nếu kính nhau, như trọng thì quì gối cúi đầu, còn thường thì dõ nón, ngan vai lại nắm tay dục-dặc; theo Annam ta, bề trọng-kính thì lạy, vừa vừa thì xá và cúi đầu; còn Chà-và, Cao-mên, nếu gặp người trưởng-thượng, thì mọp dài xuống đất, bất kể là nơi nào. Ấy là phong tục của mỗi nước khác nhau. Nếu Annam ta mà cấm lạy các Thần, Thánh, Tiên, Phật, thì làm thế nào tỏ sự kính của họ dặng. Còn các xác chết, dầu cho có lạy, thì cũng là lạy cái vong linh, mà dầu cho lạy xác chết, thì lại tội chi sao, cho đến đôi nằng hình đất, sành, cây kia cũng còn có thể lạy, xá dặng, hà tất chi cái xác chết ấy, trước đả là ông bà, cha mẹ, cô bác của ta; ta vẫn nhờ có xác đó mới hóa-sanh ra xác này, nếu ta vội quên cái ân-thâm nghĩa trọng của xác ấy, thì cái xác của mình đây mới liệu thế nào? Dầu luận cho tốt lý, thì bất quá là cái xác của con cháu, lạy cái xác của ông bà cha mẹ, chớ có chi đâu mà từ chối, lại nếu không cho lạy xác chết, vì nghĩ rằng, đả thành ra ma quỷ, chừng tới phiên mình chết thì cũng vậy, con cháu của mình cũng cho mình là tà quái, truyền tử lưu tôn như thế, thì tu hành làm chi, mà rốt kiếp, cũng hóa ra tà-mị. Nếu như thật ác vậy, thì thà là đừng giữ

đạo, hầu khỏi bị con cháu ngày sau khi-dễ. Huấn chi em hằng thấy những người Âu-Châu, mỗi khi đi ngang một đám xác, bất câu là sang hèn gì, đều dõ nón cúi đầu chào, ấy là người tỏ lòng thương mến, và kính cái xác chết chớ gì, nếu người cho là ma quỷ, thì đã lánh xa trước, lẽ nào lại thi lễ. Theo như lời của anh nói, em chưa ắc là phải, vì em rõ biết, đức Giáo-chủ JÉSUS-CHRIST có đề lời sấm truyền rằng: “Bây phải kính thờ cha mẹ bây” (Adorez vos parents) dầu sự vong như sự tồn, cũng là một điều rất chánh đáng, ai ai cũng rõ biết cả.

Chồng. — Con nhỏ này kỳ quá, qua nói phải trái cho em nghe, rồi em muốn kích-bát qua, lại chịu nghe theo họ. Em nghĩ coi trong hoàn-cầu thiếu chi là đạo, lại bày đặt làm gì nữa cho rộn tang.

Vợ. — Phải, em đâu cãi anh. Các Đạo như trong Ngũ-chi-đại-đạo của em đã nói hồi nầy, đều là chánh-giáo cả, thấy đều dạy làm lành lánh dữ, tránh vạy theo ngay, là buổi mới sơ khai của mỗi Đạo mà thôi. Những sanh-linh nào hiện thời trong lúc ấy, thì còn giữ-gìn lời Thánh-giáo, mới thọ hưởng thái-bình, lần lần một vài trăm năm sau, nhằm thời kỳ khác, tất nhiên nhưn sanh cùng khác, đã xa lời truyền dạy, đâu có thấu đáo cái nhiệm mầu của Đạo, mỗi ông tùy ý của mình, bày chế ra một cách, hoặc đặt cầu danh, hoặc để thủ lợi. Đạo thì chánh mà vì người sửa cải ra lần lần mà phải hư-hoại, cho đến đời chánh trở nên tà. Thí dụ như: Phật-Giáo xưa kia có dạy đi làm đám dặng lấy tiền công-đức, hoặc làm đồ mả, đốt như bây giờ vậy đâu. Còn những bí pháp của Tiên-gia chẳng phải để làm chuyện giả ngộ như bọn Tả-đạo bày ra, ngồi nghinh xiêng quay gọi rằng trị tà, như thầy pháp vậy. Nho-giáo xưa hằng dạy người giữ luân-lý, tam-cang, ngũ-thường, theo như lời các Thánh roi truyền chỉ dẫn, mà nào có biểu trưng với vua mình rồi dùng sức mạnh hiếp thế yếu, gây ra việc đồ khổ cho dân sanh, còn hiếu thảo cũng chẳng phải biểu ta đối trá, gạt găm người, hoặc giết người giực của về nuôi cha mẹ.

Mà hiện thời anh đã thấy rõ ràng ứng chứng ngày nay

trên thế-giái này, đều như vậy cả, cho nên các Đạo vì nơi làm lạc ấy mà thành ra đều kích-bát gây lẫn nhau, cũng vì vậy mà sanh-linh phải đổ máu, chém giết nhau chẳng biết bao nhiêu sanh mạng rồi, thậm chí cho đến người một sắc da, mà coi nhau như thù-ngịch, thì còn chi gọi là Đạo. Bão làm sao mà Tạo-hóa không lo hoẵng khai Đại-Đạo, qui Tam-giáo, hiệp Ngũ-chi, chuyên kỳ hạ-ngươn là lối chót này, mà sắp đặt cho hơn-quần xã-hội cả hoàn cầu, đều phải biết thương yêu nhau, điều đăc nhau, chẳng luận là sắc dân nào, cũng đều là con cái của ngài cả thấy, thậm chí cho đến sanh-vật chót hết là côn-trùng, ngài cũng muốn cho ta chẳng nên ý khôn ngoan mà hiếp lẫn nó, vì chúng nó cũng thọ sanh như ta. Đặng vậy, mới xứng đáng phận làm người của Tạo-hóa ban ân cho, mà làm anh cả các loài vật. Ấy là tôn-chỉ của Đại-Đạo Tam-kỳ đương lúc này, muốn điều sanh-chúng, kết giây liên-ái mà thọ hưởng hòa bình đó.

Em nói cho cùng lời, là nếu sức phàm của người mà cải quá, lập Đạo kỳ này, mà cũng còn làm theo như trước, thì Đức Chí-Tôn chẳng hề ngồi yên mà ngó sự tiêu-giệt trong buổi hạ-ngươn này; thế nào cũng phải điều-đinh một Đạo khác cho sanh-linh đặng hưởng sự yên-tịnh, mới nhằm thánh ý của ngài là một đấng háo-sanh, ưa sống, chớ chẳng chịu giết lẫn nhau.

Chồng — Em nghe lóm những lời của họ bày-bịa ra mà dụ người, rồi hô lên Đạo! Đạo! chớ Đạo là gì? em tưởng hề có Đạo mới sống, còn không Đạo như những người chẳng biết kia, rồi chết hay sao?

Vợ — Nếu anh nói vậy lại sai lầm hơn nữa. Đạo là một điều rất nhiệm-mầu huyền-bí cao-xa, em chẳng hiểu cho thấu đáo, mà nói cho cùng tốt cho anh nghe, mà dầu cho bậc nào trong thế-gian này là cao-thượng hơn hết cũng khó giải cho tất lý.

Em chẳng nói chi cho lắm, nhưng anh phải hiểu rằng, dầu cho Trời-Đất hay là chi chi trong càn-khôn thế-giái này, cũng là nơi Đạo mà biến hóa ra, nếu chẳng có Đạo, thì chẳng hề có máy-múng gì trước mắt hết, ấy là em nói sơ

việc huyền-bí, là đều em không rõ ắc, nhưng tùy theo sách vở của các đấng hiền-triết xưa để lại. Còn nói chi việc hiện tại trong trái cầu này: Bồn phận làm người rất khó, nếu vô Đạo thì đâu có phải là bậc nhơn-phẩm, mà có thể nào bền vững đặng.

Thí dụ như :

Đứng về hàng vua chúa, lòng chẳng khoan-hòa, coi thần dân như cỏ rác, đắm mê tửu sắc, chẳng quăng đến nước nhà, là vua vô đạo, ưa nịnh xa trung, không nghe theo lời đoan-chánh của tôi con, lại chịu những sự nịnh-hùa của tà mị, tức nhiên phải ngửa nghiêng xả-tắc, hư hại gian-san, rớt rồi luồn những điều tàng, mà gây cho đoàn con dân phải chịu bần than khổ sở.

Làm quan, trên chẳng trọn lòng thờ chúa, dưới chẳng hết dạ thương dân, dua-mị theo lũ nịnh tà, hầu lấy quyền to hiếp chúng. Đả chẳng lo đền ơn chúa, lại không thái độ trị dân, kiếm chức thâu-đoạt của người, lần lần rồi gây cho con dân thán-oán, mà làm loạn cho nước; ấy là tham-quan ô-lại, tất là vô đạo.

Dân vô đạo, thì chẳng biết đến quốc-vương thủy-thờ, không kiên sợ luật nước nhà, mà hóa sanh ra đều trộm cướp, tàng nhần hại nhau, nhiều loạn cả sanh-linh, lần lần hiệp nhau cho có sức, gây vương đồ bá, cướp giực ngôi vua, mà sanh rối cho nước.

Vợ chồng ở với nhau vô đạo, chồng thì tửu điếm trà đình, ưa theo phóng-đảng, chẳng quăng đến tình nhà, bỏ vợ bỏ con dúi rách, việc hư nên của gia-đình không thấu đáo, chẳng điều vợ dạy con, theo đường ngay nẻo thẳng, thiếu đức kém hạnh. Vì nơi vô đạo ấy, mà buộc vợ phải gây thêm rối, không biết rể chồng, lần lần sanh ra cờ bạc, bỏ luồn bồn phận đờn bà, là người lễ gia nội trợ, chẳng còn giữ tiết trinh, hết tưởng đến phận nung khăn sửa tráp. Rớt rồi phải hư-hoại gia-đình, cũng là đều vô đạo.

Phận làm con, chẳng kính thờ cha mẹ, quên ơn dưỡng dục, bỏ nghĩa sanh-thành, lời dạy dỗ chẳng nghe, quên theo đoàn du-dãng, khi thị cô bác, không tưởng cậu dì, làm cho

hur-hoại tông môn, ấy là con ngỗ-nghịch, tức là trái đạo làm con.

Anh em ở với nhau vô đạo, là chẳng tưởng tình máu thịt, lớn không điều nhỏ, nhỏ nghịch với lớn, chẳng biết thương nhau, lần hồi mất niềm huyuh đệ, sanh việc loạn dâm, anh chồng em dâu, hóa ra thù-nghịch mà chém giết nhau, làm cho nhục-nhã tổ tiên, vậy là vô đạo.

Chủ ở với tớ vô đạo, là chẳng giữ phận bề trên, tham công tiết việc, không xét cực-nhoc của tớ, làm cho tớ chẳng phục lòng, mà hóa ra những điều ngoan-ngạnh với chủ, thì chẳng khác nào ép cho tớ làm trái phận sự. Ít lâu rồi tớ không vâng mạng chủ, ấy mới gọi tớ phản tâm, mà mang chủ tớ vô đạo.

Đó là em luận sơ đều vô đạo của người, mà làm ra hur-hoại cho cả nước cả dân. Tuy là về nhân-đạo, ai ai cũng cho là thế tình đời, nhưng cũng có ảnh-hưởng hiệp về thiên-đạo. Nên phận làm người muốn cho tròn phải biết, mượn đời đời đạo, lấy đạo điều đời, cả hai nương nhau mà đi cho có cặp mới dặng.

Bởi cơ cho nên buổi ban sơ của Trời Đất có rồi, thì hóa sanh các vật trước, chừng sanh ra loài người, thì đấng Tạo-doan phải khai Đạo, mà điều dẫn cả nhưn vật, tức là con cái của ngài cả thấy. Vì thương nhâu-loại, nên từ xưa những nay, mỗi khi trong nước nào khởi loạn, thì chính mình ngài đến mà khai đạo, hoặc sai các Tiên-Phật thai phạm mà mở các Tôn-giáo, hầu làm cho yên-tịnh, nhưng cũng chưa hề thấy dặng sự hòa-bình cho sanh-chúng giờ phúc nào cả.

Ấy vậy, Đạo nghĩa một con đường ngay thẳng (la Vérité) của Tạo-hóa khai ra, cho các chơn-linh đã mang sát phạm này, noi theo sự chơn thật, hiền lành, mà thủ cái vai tuồng của ta đả lãnh chịu trước mặt ngài, mà đến trong cõi dinh-hoàn này; làm xong phận rồi, buổi chung qui mới có thể noi theo nất thang cao hơn, cũng trong con đường ấy, mà hội diện với ngài, nhưng cũng tùy theo việc làm nặng nhẹ, phải chẳng nơi đây, mới sắp theo đẳng cấp: Phật, Tiên, Thánh, Thần, mà thọ ban trong khi tới trước mặt ngài mà

phục mạng. Ấy là tôn chỉ của các Đạo đã khai ra từ thi chí chung.

Còn những trang đả lãnh mạng trời đến đây, tuy cũng làm tròn phận sự, nhưng có gieo ra những điều phải vay vay trả trả, chùng buổi lâm-chung, so tội phước mà định, rồi tùy đẳng cấp nơi trần này, mà luân-hồi trở lại, phước nhiều thì làm quan, làm giàu; ít phước thì lãnh bực thường nhân, phải chịu cay đắng, mà trả cho nhau cho đến lúc xong, rồi cũng phải tu tâm dưỡng tánh, mới trông thoát khỏi nơi vòng chuyển kiếp. Lại những kẻ đả đến đây, làm trái nhân-phẩm, thì còn nói chi: Buổi thất cũng đến Toà phán-xét mà chịu xử đoán, rồi rồi thì lộn trở xuống mà chuyển ra cầm thú, hoặc phải mất cả chơn-linh mà biến sanh côn-trùng thảo-mộc, rồi ra công tu luyện ngàn năm, may mà đắc quả, mới trông lên tới bậc người. Là việc công bình của Trời Đất đả phân định, ấy mới rõ Tạo-hóa là một đấng cầm cân thiêng-liêng.

Cho nên em nói rằng Đạo vẫn thiệt nhiệm-mầu cao-xa, khó giải là vậy đó.

Chồng — Tuy là em nói vậy, chớ qua chẳng hề tin chút nào, vì là đều không thấy hiển nhiên, bây giờ sống ở đây, ăn theo đây, làm theo đây, biết kiếp người hay chưa, huấn chi phải tính việc cao-xa, là đều hư thiệt không ắc, mà qua vẫn thấy họ bày đều mộng mị như: Các Đạo đều thờ, hoặc hình ảnh Phật-Tiên-Thánh, hay là viết chữ, còn Đạo Cao-Đài sao lại thờ có một con mắt là ý chi vậy?

Vợ — Anh hỏi thì em nói ngay, nhưng sự biết của em rất hẹp-hòi, vì nghe mấy ông thuyết đạo, bôn-đạo đến nghe thì đông, làm cho em là phận gái, duy có đứng xa xa phía ngoài, nghe lóm mà thôi; vậy để em luận sơ cho anh nghe.

Con mắt ấy, là của đấng Tạo-hóa, nên gọi là Thiên-nhãn. Vì Ngài không có hình ảnh chi, đến tại thế cho ta thấy; nên phải tựa con mắt ra mà thờ, ảnh hưởng chỉ về: Ngài là đấng Chúa-cả Càn-khôn thế-giới, tức là mắt Ngài soi khắp mọi nơi, nên thế tình hằng ví câu: “*Hoàng-thiên hữu nhãn*”

nghĩa là Trời có mắt là vậy đó. Nếu ta muốn thờ Ngai, mà ta vẫn chẳng biết tướng-diện của Ngai ra thế nào thì không lẽ ta tượng hình ra là Annam, Tây, Cao-mên, hay là theo một sắc dân nào khác nơi thế này, thì sao cho nhắm lý.

Em nhớ mấy câu Thánh-ngôn của Đức Cao-Đài thượng-đế chỉ phán về Thiên-Nhân cho các Môn-đệ Ngai, trong buổi Đại-Đạo Tam-kỳ mới khai như vậy :

*Nhân thị chủ tâm,
Lương quang chủ thể,
Quang thị thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã giả.*

Mấy câu Thánh-ngôn này nghĩa lý rất sâu-xa, sức phàm khó giải cho thấu cái rộng minh-mông của câu văn, nhưng theo phận của em thiếu học lại trí thức ít-oi, nên luận sơ như vậy :

Thiên-nhân nghĩa là Mắt Trời,

Mà Mắt Trời lại thông đồng với Mắt của mình, cũng nên gọi là “*Thần-lương-tâm*” (Conscience).

Nên mỗi mỗi việc chi, mình muốn thi hành, tất nhiên trước hết mình phải gọi Thần-lương-tâm mà cậy nủ, chỉ giáo đều hư thiệt, tà chánh thế nào, rồi mình mới định : làm hay là hủy bỏ. Thoản có đều chi, mình gọi là không tốt, không hợp với thế tình đời, không đoan chánh, thì mình còn dọ-dự, chưa dám thi hành, là vì mình tính : Nếu làm cho ra cái hình theo trí của mình độ, thì sợ e mắt mình xem không hợp, mà hề mắt mình xem không hợp, thì lại làm cho tâm tánh mình áy-náy. Đó là bị Thần-lương-tâm cản-trở rầy la ; lẽ Thần-lương-tâm quở trách, tất nhiên là Trời quở vậy.

Ấy vậy mọi việc chi của ta đã tính nơi tâm ta, dầu hư dầu thiệt, thì Thần-lương-tâm đều hiểu hết, mà chỉ dẫn cho ta rõ, đều tà lẽ chánh ; nếu Thần-lương-tâm hiểu, thì tất nhiên đáng Tạo-Hóa đã rõ biết hết. Nên chi tâm mình lay động, thì ngai đã thấu rồi. Bởi cơ nên phận làm người

phải biết rằng, mọi việc chi của ta làm lên lúc một mình, dầu lớn dầu nhỏ cũng vậy, là duy có giấu-giếm với kẻ có xác thịt như ta mà thôi, chớ chẳng hề khi nào khuất mắt Trời và các đấng Thiên-liêng cho đặng. Nếu Tạo-hóa riêng để cho ta giấu đặng ngai, thì còn có chi gọi là mầu-nhiệm của Trời đất. Vì vậy mà có câu ; “Thiên-gia ngả giả” Chỉ là : hề ta thấy, thì tất nhiên Trời cũng thấy vậy, có thể thông đồng với nhau.

Thí dụ theo trí ngu xuẩn của em tưởng như :

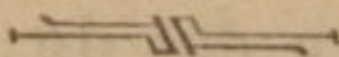
Một đũa ăn-trộm kia, khi đã dề ý, có một nhà nào để cho nó đột-nhập, thì trước hết nó gạn hỏi Thần-lương-tâm coi có thể lấy của người đặng chẳng ? Ấy là đều tà vậy, thì thế nào Thần-lương-tâm cũng nói với nó rằng : Không đặng ! Lại giải cho nó biết : Nếu nó khoét vách, họ hay đặng la lên, ắt có kẻ đến bắt nó. Nghe đến đó, nó hết hồn, rồi dụ-dự, tính tới tính lui, trong lúc dùng thắp ấy, làm cho nó bối-rối. Lại nếu sự ham muốn quá lẽ của nó, có hơi sấn-sước, thì Thần-lương-tâm vẽ cái cảnh trạng sể tới cho nó, hoặc phải bị bắt, giải đi lối này, chỗ nọ, hoặc bị ở tù, người hành-hà thân nó, làm cho nó bỏ vợ con nó đói khát, chừng ấy nó hoản-hốt mà xuất hạng. Ấy là đấng Tạo-hóa rầy quở nó. Cũng có nhiều khi nó vưng theo lời Thần-lương-tâm mà bỏ qua, không làm việc sai ấy.

Còn nếu nó tính sước mà làm là bởi tánh chắt tà vậy, tuy Thần-lương-tâm chỉ dũa cho nó, nó biết là sai, mà vì nó muốn quá rồi làm bậy, chớ vẫn trong lòng sợ-sệt luôn, vì bị rầy hoài cho đến cùng. Tỷ như khi nó đương hành tàng việc sai ấy, thì Thần-lương-tâm hằng nhắc chừng từ cái quấy của nó đương hành-động ; làm cho nó hồi-hộp, cho đến khi nó đem đồ gian ấy về dọc đường, gặp người hoặc thoát nghe nhánh cây rớt, thì cũng làm cho nó dục mình mà hoản-hốt, lúc bán đồ cũng vậy, thậm chí cho đến nó thấy món nào, là đồ nó trộm của người còn trước mắt nó, chẳng khác chi nó còn bày đồ gian trước mắt Thần-lương-tâm, thì nó cũng bị quở mà bức-rức hoài.

Ấy vậy mọi việc chi trong thế-gian này, đều có ảnh-hưởng theo đó cả, chẳng kể là việc nhỏ hay lớn. Đây là một điều ứng chứng của mỗi người hằng thấy ; Việc nào của ta làm phải thì Thần-lương-Tâm khen mà làm cho ta vui lòng hơn hở ; còn điều chi của ta đã làm sai, Thần-lương-Tâm quở rầy, lại làm cho trong lòng ta xốn-xang là như thế.

Trong Đại-Đạo-Tam-Kỳ thờ “ Thiên-Nhân ” là chủ ý đó ; mà cũng nơi đó là nguồn-cội của “ Đạo ” tất là một điều huyền-bí sâu-xa, để cho bậc Nhơn-phẩm kiếm hiểu mỗi tư riêng, tùy theo sự học thức cao thấp, hầu rằng lấy mình mà giữ cho tròn phận. Huống chi trước Chúa giáng sanh, miền Âu-châu cũng có thờ con Mắt, gọi là “ L'oeil du Maitre ” lại có những sách vở của nhiều bậc Hiền-Triết xưa luận về Thiên-Nhân còn để lại rành rành mà anh không dễ ý tìm biết.

Còn nữa, sau sẽ tiếp theo.

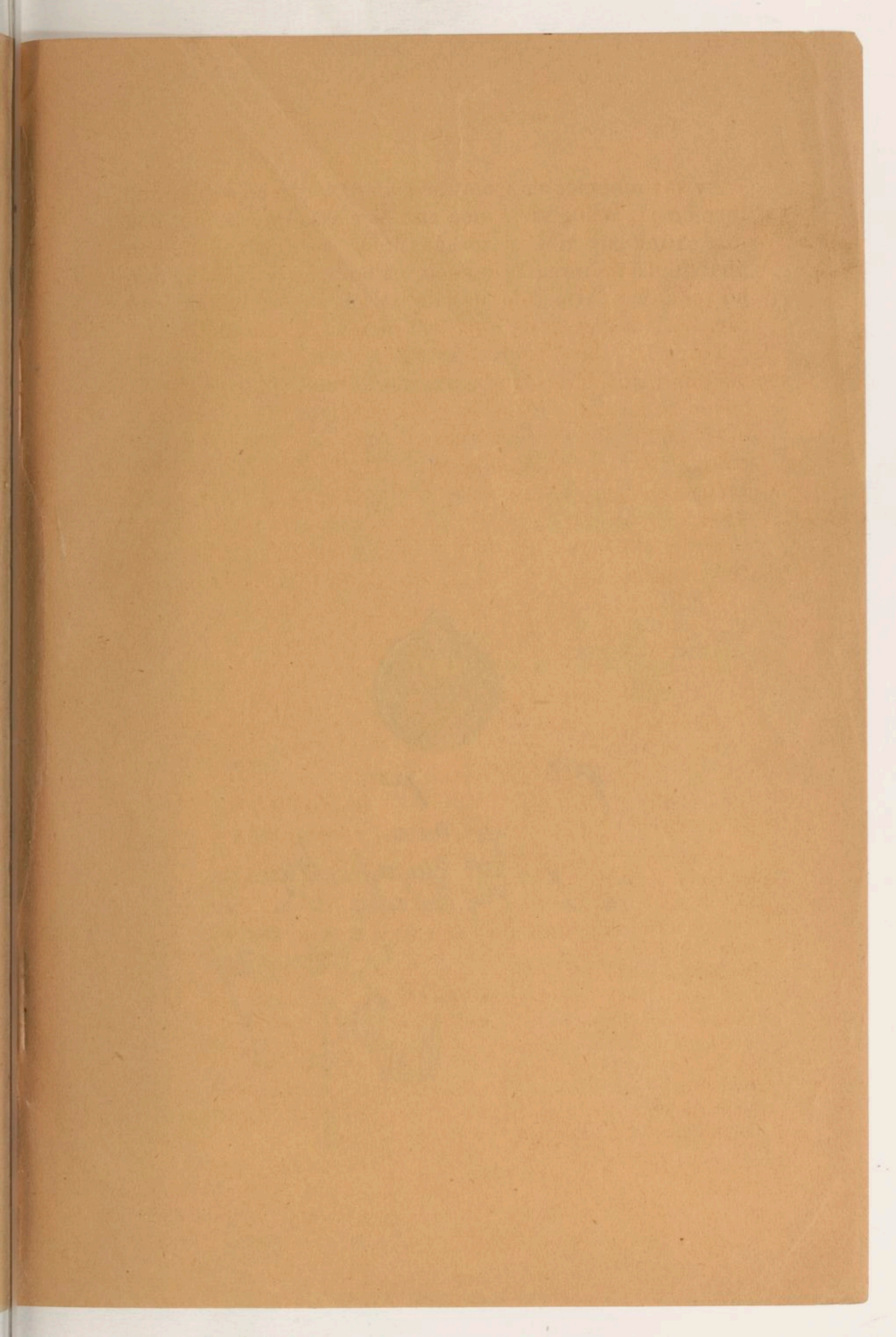


KÍNH LỜI XIN TỎ CÙNG CHƯ QUI-VỊ KHÁN-QUAN :

Tác-giả còn biết nhiều việc, lại cũng đang kiếm mà hiểu nữa, sau sẽ tiếp lần theo. Nơi quyền này duy mới tỏ sơ chút ít trong nguồn Đạo và một ít điều yếu lý mà thôi.

Chư Qui-Độc-giả cũng nên để mắt xem sau xa, chừng kết cuộc, sẽ bình luận. Còn những người đứng trong hàng Môn-dệ của Đức Cao-Đài-Thượng-Đế, chớ nên nghe vậy mà vội nóng mắng, tuy Đại-Đạo-Tam-kỳ vẫn thật là chơn chánh, song Tác-giả dòm thấy nhiều người trong đấy, vì ít thông hiểu đạo lý, đã thờ Thiên-Nhân trước mắt mình, mà không dè có điều màu nhiệm trong ấy ; lấy danh Đạo làm giả-cuộc, lần lần Tác-giả sẽ kiếm cho hiểu được quả-quyết, rồi sẽ nói tới, và cũng sẽ chỉ danh, với các lớp tuồng của mấy ông diễn sơ trên sân khấu cho chư Khán-quan rõ, hầu để cái danh hư-truyền của họ lại sau, cho đoàn hậu-tấn mặt tình luận biện.

HUỆ-CHƯƠNG.



0220 1000 050

0941000 17 1000 050

0220 1000 050



N° 1 EDITION *15* FASCICULE
TIRAGE DE *2000* EXEMPLAIRES

EDITEUR *Cao quynh Dieu*
% L. Oliastro & Cie

IMPRIMERIE XUA-NAY, 62-64, RUE BONNARD SAIGON

SAIGON LE *31/10* 19*29*

LE DIRECTEUR
[Handwritten signature]